

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 118/2000/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2000 của Thủ tướng chính phủ về việc thay đổi tổ chức của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐT ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp cho hệ đào tạo vừa làm vừa học ở các Trường Đại học và Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ Quyết định số 4100/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế đào tạo áp dụng cho bậc Đại học đào tạo theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ vào biên bản đề nghị xét tốt nghiệp của Phân hiệu Ninh Thuận, các Khoa liên quan;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường ngày 17 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 729 sinh viên, trong đó bao gồm 698 sinh viên hệ Đại học chính quy, 15 sinh viên hệ Cao đẳng chính quy, 16 sinh viên hệ Vừa làm vừa học các ngành.

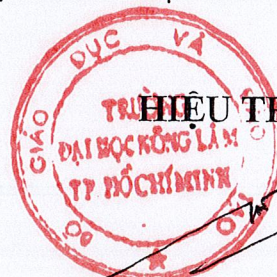
(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Sinh viên có tên tại Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng sau khi hoàn tất các thủ tục theo quy định của Trường Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trưởng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các Khoa, Trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và những sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- PHNT, P.TC-KHĐT (phối hợp thực hiện)
- Website Trường;
- Lưu: VPT, PQLĐT.



PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Ban hành theo Quyết định số 5895/QĐ-ĐHNL ký ngày 17/12/2025 của Hiệu trưởng

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Cơ khí công nghệ								
DH15CK								
1	15118114	Lê Đức Trí		21/8/1997	Nam	2.22	Trung bình	2918/2025/DHCQ_NLU
DH16TD								
1	16138071	Trần Phước Sang		19/03/1997	Nam	2.70	Khá	2919/2025/DHCQ_NLU
DH17CC								
1	17118135	Đàng Năng San U		19/01/1999	Nam	2.53	Khá	2920/2025/DHCQ_NLU
DH17CD								
1	17153045	Nguyễn Thanh Nam		08/09/1999	Nam	2.55	Khá	2921/2025/DHCQ_NLU
DH18CD								
1	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang		18/10/2000	Nam	2.49	Trung bình	2922/2025/DHCQ_NLU
DH19CC								
1	19118224	Lâm Thanh Thiện		06/06/2001	Nam	2.74	Khá	2924/2025/DHCQ_NLU
2	19118238	Trần Minh Tiến		06/08/2001	Nam	2.49	Trung bình	2923/2025/DHCQ_NLU
DH19NL								
1	19137055	Nguyễn Thị Yến Quyên		12/04/2001	Nữ	2.55	Khá	2925/2025/DHCQ_NLU
2	19137082	Từ Trường Vũ		23/03/2001	Nam	2.36	Trung bình	2926/2025/DHCQ_NLU
DH19OT								
1	19154023	Nguyễn Tấn Dầu		17/12/2001	Nam	2.80	Khá	2927/2025/DHCQ_NLU
2	19154127	Nguyễn Văn Quý		20/04/2001	Nam	2.62	Khá	2928/2025/DHCQ_NLU
DH19TD								
1	19138054	Đoàn Lê Quang Nhật		22/11/2001	Nam	2.66	Khá	2929/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20CC								
1	20118124	Nguyễn Quốc	Bình	03/04/2002	Nam	2.48	Trung bình	2930/2025/DHCQ_NLU
2	20118132	Nguyễn Gia	Đạt	24/02/2002	Nam	2.34	Trung bình	2931/2025/DHCQ_NLU
3	20118161	Nguyễn Minh	Hiếu	11/02/2002	Nam	2.90	Khá	2932/2025/DHCQ_NLU
4	20118184	Võ Việt	Khiêm	01/01/2002	Nam	2.23	Trung bình	2933/2025/DHCQ_NLU
5	20118246	Đoàn Văn	Tâm	18/06/2001	Nam	2.26	Trung bình	2934/2025/DHCQ_NLU
6	20118262	Lư Chí	Thông	30/12/2002	Nam	2.25	Trung bình	2935/2025/DHCQ_NLU
DH20CD								
1	20153059	Lê Trường	Chinh	18/02/2002	Nam	2.09	Trung bình	2936/2025/DHCQ_NLU
2	20153078	Võ Minh	Hiếu	28/02/2002	Nam	2.14	Trung bình	2937/2025/DHCQ_NLU
DH20CK								
1	20118182	Lê Minh	Khanh	04/06/2002	Nam	2.16	Trung bình	2938/2025/DHCQ_NLU
DH20CKC								
1	20118249	Nguyễn Văn	Tâm	15/06/2002	Nam	2.89	Khá	2939/2025/DHCQ_NLU
2	20118281	Lê Anh	Tuấn	06/10/2002	Nam	3.29	Giỏi	2940/2025/DHCQ_NLU
DH20NL								
1	20137070	Trịnh Tấn	Dư	27/02/2002	Nam	2.05	Trung bình	2941/2025/DHCQ_NLU
2	20137122	Ngô Thanh	Tiếng	14/04/2002	Nam	2.39	Trung bình	2942/2025/DHCQ_NLU
DH20OT								
1	20154141	Nguyễn Minh	Huy	26/01/2002	Nam	2.52	Khá	2943/2025/DHCQ_NLU
DH20TD								
1	20138072	Võ Hoàng Gia	Bảo	26/08/2002	Nam	2.40	Trung bình	2944/2025/DHCQ_NLU
2	20138073	Nguyễn Văn	Bình	16/12/2002	Nam	2.65	Khá	2945/2025/DHCQ_NLU
3	20138076	Nguyễn Tấn	Đạt	09/04/2002	Nam	2.73	Khá	2946/2025/DHCQ_NLU
4	20138104	Bùi Phương	Nam	20/06/2002	Nam	2.96	Khá	2947/2025/DHCQ_NLU
5	20138116	Phạm Đức	Quân	27/10/2002	Nam	2.84	Khá	2948/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
6	20138120	Lê Đăng Tuấn	Sang	19/09/2002	Nam	2.45	Trung bình	2949/2025/DHCQ_NLU
DH21CC								
1	21118036	Cao Bảo	Duy	13/01/2003	Nam	2.87	Khá	2950/2025/DHCQ_NLU
2	21118222	Vũ Đình	Hải	31/12/2003	Nam	2.48	Trung bình	2951/2025/DHCQ_NLU
3	21118285	Trần Anh	Kiệt	19/11/2003	Nam	2.61	Khá	2952/2025/DHCQ_NLU
4	21118355	Hồ Văn Minh	Quý	18/08/2003	Nam	2.65	Khá	2953/2025/DHCQ_NLU
5	21118372	Trần Nhật	Tân	04/12/2003	Nam	2.77	Khá	2954/2025/DHCQ_NLU
6	21118384	Nguyễn Ngọc	Thuận	03/07/2003	Nam	2.82	Khá	2955/2025/DHCQ_NLU
7	21118402	Trương Quang	Trung	25/09/2003	Nam	2.55	Khá	2956/2025/DHCQ_NLU
DH21CD								
1	21153132	Nguyễn Bảo Ngọc	Hoàng	21/04/2003	Nam	2.38	Trung bình	2958/2025/DHCQ_NLU
2	21153134	Trần Huy	Hoàng	19/11/2003	Nam	2.71	Khá	2957/2025/DHCQ_NLU
3	21153143	Trần Quốc	Khánh	02/03/2003	Nam	3.72	Xuất sắc	2959/2025/DHCQ_NLU
4	21153166	Trần Thanh	Nhân	01/12/2003	Nam	2.72	Khá	2960/2025/DHCQ_NLU
5	21153170	Nguyễn Minh	Nhật	27/09/2003	Nam	2.98	Khá	2961/2025/DHCQ_NLU
6	21153176	Phạm Dương Tâm	Phước	24/03/2003	Nam	2.95	Khá	2962/2025/DHCQ_NLU
7	21153184	Trần Nguyễn Phúc	Tâm	31/03/2003	Nam	2.75	Khá	2963/2025/DHCQ_NLU
8	21153219	Nguyễn Hoàng	Việt	20/12/2003	Nam	3.03	Khá	2964/2025/DHCQ_NLU
DH21CK								
1	21118218	Nguyễn Ngọc	Duy	27/03/2003	Nam	2.52	Khá	2965/2025/DHCQ_NLU
2	21118230	Hoa Xoài	Hên	10/11/2003	Nam	2.51	Khá	2966/2025/DHCQ_NLU
3	21118232	Cao Thái	Hiền	22/11/2003	Nam	2.52	Khá	2967/2025/DHCQ_NLU
4	21118238	Nguyễn Phúc	Hòa	01/01/2003	Nam	2.85	Khá	2968/2025/DHCQ_NLU
5	21118248	Nguyễn Thế	Hùng	15/06/2003	Nam	3.02	Khá	2969/2025/DHCQ_NLU
6	21118252	Trần Nguyễn	Hưng	05/06/2003	Nam	2.89	Khá	2970/2025/DHCQ_NLU
7	21118270	Nguyễn Văn	Khánh	17/03/2003	Nam	2.55	Khá	2971/2025/DHCQ_NLU
8	21118271	Danh Võ Anh	Khoa	18/04/2003	Nam	2.63	Khá	2972/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
9	21118300	Nguyễn Quí	Luân	01/12/2003	Nam	2.68	Khá	2973/2025/DHCQ_NLU
10	21118303	Ngô Minh	Mẫn	22/07/2003	Nam	2.63	Khá	2974/2025/DHCQ_NLU
11	21118314	Nguyễn Trần Phương	Nam	06/04/2003	Nam	2.65	Khá	2975/2025/DHCQ_NLU
12	21118359	Trần Thành	Quý	07/10/2003	Nam	2.65	Khá	2976/2025/DHCQ_NLU
13	21118386	Đặng Quang	Tiến	11/06/2003	Nam	2.86	Khá	2977/2025/DHCQ_NLU
14	21118393	Trần Quang	Tốt	18/07/2003	Nam	2.52	Khá	2978/2025/DHCQ_NLU
DH21NL								
1	21137006	Nguyễn Bảo	Duy	23/01/2001	Nam	3.31	Giỏi	2980/2025/DHCQ_NLU
2	21137039	Nguyễn Quang	Vinh	11/06/2003	Nam	2.35	Trung bình	2986/2025/DHCQ_NLU
3	21137052	Đặng Văn	Cường	10/08/2003	Nam	2.51	Khá	2979/2025/DHCQ_NLU
4	21137075	Thái Văn	Hiệp	23/06/2003	Nam	2.61	Khá	2981/2025/DHCQ_NLU
5	21137077	Nguyễn Huy	Hoàng	29/01/2003	Nam	2.14	Trung bình	2982/2025/DHCQ_NLU
6	21137094	Trần Công	Khương	03/11/2003	Nam	2.69	Khá	2983/2025/DHCQ_NLU
7	21137136	Nguyễn Tấn	Thành	28/10/2003	Nam	2.64	Khá	2984/2025/DHCQ_NLU
8	21137141	Nguyễn Truyền	Thoại	26/07/2003	Nam	2.50	Khá	2985/2025/DHCQ_NLU
DH21OT								
1	21154135	Trương Văn	Chung	02/05/2003	Nam	2.75	Khá	2987/2025/DHCQ_NLU
2	21154156	Nguyễn Lê	Duy	06/03/2003	Nam	2.72	Khá	2989/2025/DHCQ_NLU
3	21154158	Nguyễn Quốc	Duy	16/10/2003	Nam	2.78	Khá	2988/2025/DHCQ_NLU
4	21154161	Nguyễn Văn	Giàu	12/08/2003	Nam	3.05	Khá	2990/2025/DHCQ_NLU
5	21154186	Nguyễn Phi	Hùng	23/07/2003	Nam	3.17	Khá	2991/2025/DHCQ_NLU
6	21154192	Phan Hà	Huy	25/10/2003	Nam	2.80	Khá	2992/2025/DHCQ_NLU
7	21154211	Võ Tấn	Lịch	06/06/2003	Nam	2.51	Khá	2993/2025/DHCQ_NLU
8	21154233	Nguyễn Bửu	Minh	12/01/2003	Nam	2.98	Khá	2995/2025/DHCQ_NLU
9	21154235	Phạm Ngọc	Minh	02/11/2003	Nam	3.20	Giỏi	2994/2025/DHCQ_NLU
10	21154288	Lý Hồng	Sơn	06/10/2003	Nam	3.01	Khá	2996/2025/DHCQ_NLU
11	21154315	Phạm Chí	Thành	29/06/2003	Nam	2.81	Khá	2998/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
12	21154320	Lê Đức	Thiện	17/03/2003	Nam	2.56	Khá	2999/2025/DHCQ_NLU
13	21154352	Nguyễn Minh	Tuấn	09/11/2003	Nam	2.73	Khá	2997/2025/DHCQ_NLU
14	21154361	Hồ Mai Minh	Vũ	11/10/2003	Nam	2.64	Khá	3000/2025/DHCQ_NLU
DH21RENT								
1	21116259	Lê Văn	Thành	20/01/2003	Nam	2.85	Khá	3008/2025/DHCQ_NLU
2	21152025	Nguyễn Châu	Thanh	03/03/2003	Nam	2.92	Khá	3006/2025/DHCQ_NLU
3	21152092	Lê Văn	Thanh	27/02/2003	Nam	3.17	Khá	3007/2025/DHCQ_NLU
4	21152093	Bùi Tiến	Anh	20/07/2003	Nam	3.21	Giỏi	3001/2025/DHCQ_NLU
5	21152094	Đạt Thành	Hòa	02/09/2003	Nam	2.68	Khá	3003/2025/DHCQ_NLU
6	21152095	Hoàng Lương	Long	29/10/2003	Nam	2.63	Khá	3004/2025/DHCQ_NLU
7	21152102	Nguyễn Đăng Hoài	Nam	06/01/2002	Nam	2.61	Khá	3005/2025/DHCQ_NLU
8	21157138	Nguyễn Thị Xuân	Hào	23/10/2003	Nữ	2.96	Khá	3002/2025/DHCQ_NLU
DH21TD								
1	21138018	Nguyễn Trọng	Hiếu	09/10/2003	Nam	2.53	Khá	3015/2025/DHCQ_NLU
2	21138048	Nguyễn Trọng	Nam	10/02/2003	Nam	2.73	Khá	3018/2025/DHCQ_NLU
3	21138093	Vũ Hoàng	Chí	01/11/2003	Nam	3.16	Khá	3010/2025/DHCQ_NLU
4	21138094	Phạm Doanh	Chính	14/06/2003	Nam	2.52	Khá	3011/2025/DHCQ_NLU
5	21138097	Nguyễn Văn	Cương	26/07/2003	Nam	2.73	Khá	3009/2025/DHCQ_NLU
6	21138103	Phạm Quốc	Đạt	13/02/2003	Nam	3.17	Khá	3013/2025/DHCQ_NLU
7	21138106	Thiên Sanh	Doãn	20/05/2003	Nam	2.79	Khá	3012/2025/DHCQ_NLU
8	21138113	Nguyễn Minh	Hào	23/11/2003	Nam	3.27	Giỏi	3014/2025/DHCQ_NLU
9	21138137	Nguyễn Đăng	Khoa	07/01/2003	Nam	3.15	Khá	3017/2025/DHCQ_NLU
10	21138138	Trần Văn Tuấn	Kiệt	15/11/2003	Nam	2.85	Khá	3016/2025/DHCQ_NLU
11	21138156	Lê Quang	Nhật	03/08/2003	Nam	2.73	Khá	3019/2025/DHCQ_NLU
12	21138158	Nguyễn Hoàng	Pho	26/04/2003	Nam	3.36	Giỏi	3020/2025/DHCQ_NLU
13	21138178	Lê Quốc	Thái	19/12/2002	Nam	2.56	Khá	3021/2025/DHCQ_NLU
14	21138181	Hồ Ngọc	Thiên	08/04/2003	Nam	2.79	Khá	3022/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
15	21138196	Trần Minh	Triệu	07/06/2003	Nam	2.54	Khá	3023/2025/DHCQ_NLU
16	21138197	Phạm Thái	Trung	19/07/2003	Nam	2.60	Khá	3024/2025/DHCQ_NLU
Chăn nuôi Thú Y								
BH17TY								
1	17612007	Đào Thị Cẩm	Quỳnh	22/12/1994	Nữ	2.41	Trung bình	3025/2025/DHCQ_NLU
DH15DY								
1	15112160	Đoàn Dạ Nguyệt	Thu	29/01/1997	Nữ	2.87	Khá	3026/2025/DHCQ_NLU
DH16TYGLB								
1	16112371	Nguyễn Văn	Trí	05/02/1998	Nam	2.07	Trung bình	3027/2025/DHCQ_NLU
DH17TA								
1	17111092	Phạm Trung	Nghĩa	05/04/1999	Nam	2.49	Trung bình	3028/2025/DHCQ_NLU
DH17TT								
1	17112292	Nguyễn Ngọc Thanh	Phương	08/07/1999	Nữ	2.60	Khá	3029/2025/DHCQ_NLU
DH18CN								
1	18111012	Nguyễn Lý Tấn	Bình	23/01/2000	Nam	2.30	Trung bình	3030/2025/DHCQ_NLU
2	18111090	Hoàng Thị Tuyết	Nhung	30/03/2000	Nữ	2.61	Khá	3031/2025/DHCQ_NLU
DH18DY								
1	18112181	Nguyễn Hữu	Tài	20/07/2000	Nam	2.48	Trung bình	3032/2025/DHCQ_NLU
DH18TY								
1	18112006	Trần Thiên	Ân	30/09/2000	Nữ	3.13	Khá	3033/2025/DHCQ_NLU
DH18TYNT								
1	18112332	Lê Minh	Khuê	01/10/2000	Nam	2.04	Trung bình	3034/2025/DHCQ_NLU
DH19TA								
1	19111121	Phùng Thủy	Tiên	07/07/2001	Nữ	2.16	Trung bình	3035/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19TT								
1	19112248	Ngô Võ Kỳ	Duyên	10/05/2001	Nữ	2.64	Khá	3036/2025/DHCQ_NLU
DH19TY								
1	18112129	Nguyễn Đại	Nghĩa	07/07/2000	Nam	2.93	Khá	3039/2025/DHCQ_NLU
2	19112056	Hoàng Thị Mỹ	Hạnh	30/08/2001	Nữ	2.89	Khá	3037/2025/DHCQ_NLU
3	19112059	Đặng Hoàng Diệu	Hiền	03/10/2001	Nữ	2.36	Trung bình	3038/2025/DHCQ_NLU
DH19TYGL								
1	19112345	Mai Trần	Minh	26/06/2001	Nam	2.16	Trung bình	3040/2025/DHCQ_NLU
DH19TYNT								
1	19112376	Võ	Phúc	19/09/2001	Nam	2.53	Khá	3041/2025/DHCQ_NLU
2	19112381	Lê Thị Bích	Tiên	22/12/2001	Nữ	2.57	Khá	3042/2025/DHCQ_NLU
DH20CN								
1	20111028	Mai Nhật	Hào	21/02/2002	Nam	2.52	Khá	3045/2025/DHCQ_NLU
2	20111059	Phạm Huỳnh Thanh	Ngân	12/02/2002	Nữ	2.26	Trung bình	3048/2025/DHCQ_NLU
3	20111134	Ngô Thanh	Tuyền	28/03/2002	Nữ	2.51	Khá	3055/2025/DHCQ_NLU
4	20111168	Đinh Ngọc	Ánh	21/09/2002	Nữ	3.28	Giỏi	3043/2025/DHCQ_NLU
5	20111178	Huỳnh Kim	Đạt	10/05/2002	Nam	2.20	Trung bình	3044/2025/DHCQ_NLU
6	20111219	Nguyễn Đăng	Khoa	09/03/2002	Nam	2.56	Khá	3046/2025/DHCQ_NLU
7	20111233	Hồ Văn	Lợi	09/05/2002	Nam	2.46	Trung bình	3047/2025/DHCQ_NLU
8	20111260	Vũ Thị Hậu	Nhung	11/02/2002	Nữ	2.53	Khá	3049/2025/DHCQ_NLU
9	20111265	Đinh Hữu	Phúc	15/06/2001	Nam	2.55	Khá	3050/2025/DHCQ_NLU
10	20111268	Phạm Ngọc	Phụng	11/03/2002	Nữ	2.52	Khá	3051/2025/DHCQ_NLU
11	20111277	Lê Trần Phương	Quỳnh	04/11/2002	Nữ	2.44	Trung bình	3052/2025/DHCQ_NLU
12	20111280	Nguyễn Thái	Sơn	19/12/2002	Nam	2.40	Trung bình	3053/2025/DHCQ_NLU
13	20111311	Nguyễn Bá Công	Tĩnh	07/07/2002	Nam	2.36	Trung bình	3054/2025/DHCQ_NLU
14	20111318	Lê Hữu	Trọng	04/07/2002	Nam	2.38	Trung bình	3056/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
15	20111321	Trần Quang	Trung	17/08/2002	Nam	2.68	Khá	3057/2025/DHCQ_NLU
16	20111333	Vũ Hùng	Việt	29/10/2002	Nam	2.46	Trung bình	3058/2025/DHCQ_NLU
17	20111341	Nguyễn Thị Thúy	Vy	21/07/2002	Nữ	2.78	Khá	3059/2025/DHCQ_NLU
DH20TA								
1	20111215	Lê Quốc	Khanh	03/01/2002	Nam	2.47	Trung bình	3060/2025/DHCQ_NLU
2	20111269	Thái Kim	Phụng	01/12/2002	Nữ	2.68	Khá	3061/2025/DHCQ_NLU
3	20111334	Trương Văn	Vinh	15/01/2002	Nam	2.66	Khá	3062/2025/DHCQ_NLU
DH20TY								
1	20112056	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	04/11/2002	Nữ	3.82	Xuất sắc	3074/2025/DHCQ_NLU
2	20112057	Lưu Khánh	Nghi	15/08/2002	Nữ	3.32	Giỏi	3075/2025/DHCQ_NLU
3	20112063	Võ Hồng Thảo	Nguyên	02/04/2002	Nữ	3.56	Giỏi	3077/2025/DHCQ_NLU
4	20112074	Nguyễn Hồng Thu Lệ	Sương	05/05/2002	Nữ	3.74	Xuất sắc	3084/2025/DHCQ_NLU
5	20112076	Lâm Thanh	Tâm	10/06/2002	Nữ	3.14	Khá	3085/2025/DHCQ_NLU
6	20112152	Trần Huỳnh Ngọc	Châu	29/11/2002	Nữ	2.99	Khá	3066/2025/DHCQ_NLU
7	20112162	Tần Nguyễn Bảo	Ngọc	29/07/2001	Nữ	3.12	Khá	3076/2025/DHCQ_NLU
8	20112185	Trần Thị Huỳnh	Anh	10/01/2002	Nữ	2.75	Khá	3063/2025/DHCQ_NLU
9	20112190	Nguyễn Thái	Bảo	15/08/2002	Nam	2.73	Khá	3064/2025/DHCQ_NLU
10	20112194	Lục Trương Minh	Châu	20/01/2002	Nữ	3.07	Khá	3065/2025/DHCQ_NLU
11	20112210	Lê Thị Thùy	Dương	29/05/2002	Nữ	3.17	Khá	3067/2025/DHCQ_NLU
12	20112233	Nguyễn Thị Thùy	Hoa	11/07/2002	Nữ	3.41	Giỏi	3068/2025/DHCQ_NLU
13	20112236	Huỳnh Đức	Học	17/05/2002	Nam	2.65	Khá	3069/2025/DHCQ_NLU
14	20112240	Phạm Thị Thu	Huệ	30/04/2002	Nữ	2.91	Khá	3070/2025/DHCQ_NLU
15	20112253	Lê Minh	Khoa	06/03/2002	Nam	3.11	Khá	3071/2025/DHCQ_NLU
16	20112259	Đào Thị	Lam	10/02/2002	Nữ	3.18	Khá	3072/2025/DHCQ_NLU
17	20112282	Nguyễn Thị Trà	My	19/10/2002	Nữ	3.12	Khá	3073/2025/DHCQ_NLU
18	20112314	Thới Thị Cẩm	Nhiên	19/07/2002	Nữ	2.91	Khá	3078/2025/DHCQ_NLU
19	20112319	Đinh Thị Kiều	Oanh	16/08/2002	Nữ	3.20	Giỏi	3079/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
20	20112333	Nguyễn Thị Thu	Phượng	24/06/2002	Nữ	3.29	Giỏi	3080/2025/DHCQ_NLU
21	20112336	Nguyễn Hồ Ngọc	Quang	20/04/2002	Nam	3.31	Giỏi	3081/2025/DHCQ_NLU
22	20112340	Nguyễn Ngọc Cẩm	Quyên	06/12/2002	Nữ	3.23	Giỏi	3082/2025/DHCQ_NLU
23	20112346	Phạm Hồng	Sáu	28/11/2002	Nam	3.41	Giỏi	3083/2025/DHCQ_NLU
24	20112349	Nguyễn Hồng	Thắm	19/07/2002	Nữ	3.02	Khá	3089/2025/DHCQ_NLU
25	20112355	Lâm Chí	Thanh	30/06/2002	Nam	2.61	Khá	3087/2025/DHCQ_NLU
26	20112359	Nguyễn Anh	Thao	16/07/2001	Nam	2.63	Khá	3088/2025/DHCQ_NLU
27	20112366	Nguyễn Hà Minh	Thư	27/02/2002	Nữ	3.14	Khá	3090/2025/DHCQ_NLU
28	20112396	Nguyễn Khánh	Trình	27/09/2002	Nữ	2.88	Khá	3091/2025/DHCQ_NLU
29	20112398	Nguyễn Thanh	Trúc	20/05/2002	Nữ	3.22	Giỏi	3092/2025/DHCQ_NLU
30	20112406	Đặng Bích	Tuyền	17/04/2002	Nữ	3.24	Giỏi	3086/2025/DHCQ_NLU
31	20112407	Đoàn Thảo	Vân	22/01/2002	Nữ	2.83	Khá	3093/2025/DHCQ_NLU
32	20112414	Lê Thúy	Vuy	16/09/2002	Nữ	3.25	Giỏi	3094/2025/DHCQ_NLU
DH20TYGL								
1	20112425	Nguyễn Đình	Quý	13/01/2002	Nam	2.94	Khá	3096/2025/DHCQ_NLU
2	20112445	Cao Trần Vĩnh	Hưng	24/11/2002	Nam	3.20	Giỏi	3095/2025/DHCQ_NLU
3	20112457	Tổng Quốc	Toàn	23/08/2002	Nam	2.71	Khá	3097/2025/DHCQ_NLU
DH20TYNT								
1	20112427	Trần Thị Mỹ	Duyên	05/03/2002	Nữ	3.09	Khá	3098/2025/DHCQ_NLU
2	20112431	Nguyễn Mai Thùy	Ngân	03/01/2002	Nữ	2.81	Khá	3099/2025/DHCQ_NLU
3	20112432	Phạm Thị Kim	Thảo	20/08/2002	Nữ	2.62	Khá	3101/2025/DHCQ_NLU
4	20112462	Nguyễn Hoàng	Phú	21/02/2002	Nam	3.02	Khá	3100/2025/DHCQ_NLU
DH21CN								
1	21111052	Nguyễn Văn	Huy	14/02/2003	Nam	2.93	Khá	3103/2025/DHCQ_NLU
2	21111098	Nguyễn Thị Yến	Nhi	29/06/2003	Nữ	2.45	Trung bình	3105/2025/DHCQ_NLU
3	21111161	Hồ Sĩ	Tường	19/02/2003	Nam	2.76	Khá	3107/2025/DHCQ_NLU
4	21111176	Lê Thị Như	Ý	29/08/2003	Nữ	2.47	Trung bình	3110/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
5	21111220	Trần Khánh	Duy	15/11/2003	Nam	2.55	Khá	3102/2025/DHCQ_NLU
6	21111277	Nguyễn Lê Phương	Linh	21/08/2003	Nữ	2.71	Khá	3104/2025/DHCQ_NLU
7	21111329	Võ Thị Nguyệt	Quế	10/05/2003	Nữ	2.60	Khá	3106/2025/DHCQ_NLU
8	21111344	Trương Thị Hồng	Thắm	24/03/2002	Nữ	2.74	Khá	3108/2025/DHCQ_NLU
9	21111359	Võ Thị Thanh	Thư	02/07/2003	Nữ	2.47	Trung bình	3109/2025/DHCQ_NLU
DH21TA								
1	21111095	Trần Trọng	Nhân	15/02/2003	Nam	2.87	Khá	3112/2025/DHCQ_NLU
2	21111280	Vũ Thị Phương	Linh	05/11/2003	Nữ	3.00	Khá	3111/2025/DHCQ_NLU
3	21111314	Từ Huỳnh	Như	11/11/2003	Nữ	2.67	Khá	3113/2025/DHCQ_NLU
DH21TYA								
1	21112002	Lê Trần Xuân	An	01/01/2003	Nữ	2.90	Khá	3114/2025/DHCQ_NLU
DH21TYB								
1	21112711	Nguyễn Ý	Vân	04/10/2003	Nữ	3.22	Giỏi	3115/2025/DHCQ_NLU
TC16TY								
1	11112070	Nguyễn Quang	Duy	11/08/1993	Nam	5.99	Trung bình	3116/2025/DHVLVH_NLU
TC17TY								
1	17112095	Phạm Nguyễn Đăng	Khoa	19/10/1999	Nam	2.53	Khá	3117/2025/DHVLVH_NLU
Kinh tế								
DH16KN								
1	16155091	Lương Thị	Tuyết	16/02/1998	Nữ	2.50	Khá	3118/2025/DHCQ_NLU
DH16QT								
1	16122004	Trần Thị Minh	Thư	05/09/1998	Nữ	2.96	Khá	3119/2025/DHCQ_NLU
DH17PT								
1	17121009	Nguyễn Thị Cam	Ly	03/02/1999	Nữ	2.63	Khá	3120/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH17QT								
1	17122138	Nguyễn Hoàng	Tân	27/02/1998	Nam	2.93	Khá	3121/2025/DHCQ_NLU
DH18KM								
1	18120217	Phạm Thị Thu	Thảo	20/02/2000	Nữ	2.89	Khá	3122/2025/DHCQ_NLU
DH18KN								
1	18520021	Phạm Thanh	Trúc	12/09/2000	Nữ	3.43	Giỏi	3124/2025/DHCQ_NLU
2	18522016	Đình Quốc	Tài	17/12/2000	Nam	3.42	Giỏi	3123/2025/DHCQ_NLU
DH18QTC								
1	18120262	Phan Huỳnh Bảo	Trí	26/04/2000	Nam	3.03	Khá	3125/2025/DHCQ_NLU
DH19KE								
1	19123126	Phạm Thị Kim	Tâm	16/06/2001	Nữ	2.82	Khá	3126/2025/DHCQ_NLU
DH19KEGL								
1	19123267	Nguyễn Vũ Tường	Vi	29/07/2000	Nữ	2.11	Trung bình	3127/2025/DHCQ_NLU
DH19KM								
1	19120111	Phạm Thị	Ly	24/09/2001	Nữ	3.01	Khá	3128/2025/DHCQ_NLU
DH19KT								
1	19120126	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	02/12/2001	Nữ	2.39	Trung bình	3129/2025/DHCQ_NLU
DH19QT								
1	19122216	Võ Anh	Sơn	04/08/2001	Nam	2.95	Khá	3130/2025/DHCQ_NLU
DH19QTNT								
1	19122429	Trương Thị Minh	Thi	19/02/2001	Nữ	2.92	Khá	3131/2025/DHCQ_NLU
DH19TM								
1	19122029	Lê Minh	Dương	02/10/2001	Nam	2.88	Khá	3132/2025/DHCQ_NLU
DH20KENT								
1	20123253	Cao Thị Kim	Chi	27/12/2002	Nữ	3.03	Khá	3133/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20KM								
1	20120112	Võ Trung	Tính	25/08/2002	Nam	2.34	Trung bình	3135/2025/DHCQ_NLU
2	20120173	Nguyễn Văn	Đức	21/01/2002	Nam	2.38	Trung bình	3134/2025/DHCQ_NLU
3	20120335	Nguyễn Trần Thanh	Tuyền	02/12/2002	Nữ	2.68	Khá	3136/2025/DHCQ_NLU
DH20KT								
1	20120290	Nguyễn Minh	Thuần	03/04/2002	Nam	3.11	Khá	3137/2025/DHCQ_NLU
DH20QT								
1	20122346	Hồ Văn	Kiệt	04/12/2002	Nam	3.40	Giỏi	3138/2025/DHCQ_NLU
2	20122414	Nguyễn Thị	Ngọc	25/07/2002	Nữ	3.56	Giỏi	3139/2025/DHCQ_NLU
3	20122527	Nguyễn Thị Đang	Thùy	24/02/2002	Nữ	3.35	Giỏi	3140/2025/DHCQ_NLU
4	20122544	Phạm Ngọc Bảo	Trân	28/08/2002	Nữ	3.00	Khá	3141/2025/DHCQ_NLU
5	20122603	Nguyễn Thị	Vy	19/06/2002	Nữ	3.27	Giỏi	3142/2025/DHCQ_NLU
DH20QTNT								
1	20122629	Phạm Huỳnh Đăng	Khoa	10/12/2002	Nam	2.76	Khá	3143/2025/DHCQ_NLU
2	20122633	Nguyễn Thanh	Quy	29/09/2002	Nam	2.52	Khá	3145/2025/DHCQ_NLU
3	20122645	Đỗ Thị Kim	Ngân	20/12/2001	Nữ	3.03	Khá	3144/2025/DHCQ_NLU
DH20TM								
1	20122288	Lê Thị Mỹ	Duyên	08/10/2002	Nữ	2.75	Khá	3146/2025/DHCQ_NLU
DH21KE								
1	21123097	Đặng Kiều	Oanh	12/02/2003	Nữ	2.59	Khá	3153/2025/DHCQ_NLU
2	21123138	Phan Thị Ngọc	Trâm	10/11/2003	Nữ	2.64	Khá	3155/2025/DHCQ_NLU
3	21123215	Phan Thị Mộng	Cầm	25/12/2003	Nữ	3.72	Xuất sắc	3147/2025/DHCQ_NLU
4	21123231	Vũ Thị	Hồng	23/10/2003	Nữ	3.58	Giỏi	3148/2025/DHCQ_NLU
5	21123237	Lê Thị Ánh	Kha	12/09/2003	Nữ	3.14	Khá	3149/2025/DHCQ_NLU
6	21123241	Lê Minh	Khôi	21/07/2003	Nữ	3.19	Khá	3150/2025/DHCQ_NLU
7	21123260	Mai Hà Minh	Như	06/03/2003	Nữ	3.49	Giỏi	3152/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
8	21123262	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	17/06/2003	Nữ	3.57	Giỏi	3151/2025/DHCQ_NLU
9	21123266	Vũ Hồng	Phúc	06/06/2003	Nữ	3.56	Giỏi	3154/2025/DHCQ_NLU
10	21123305	Nguyễn Thị Diệu	Vy	16/02/2003	Nữ	3.50	Giỏi	3156/2025/DHCQ_NLU
DH21KEGL								
1	21123194	Đinh Võ Quỳnh	Thắm	19/08/2002	Nữ	3.66	Xuất sắc	3159/2025/DHCQ_NLU
2	21123329	Huỳnh Thị Thuý	Quỳnh	17/06/2003	Nữ	3.18	Khá	3158/2025/DHCQ_NLU
3	21130637	Nguyễn Trường	Duy	22/08/2003	Nam	2.72	Khá	3157/2025/DHCQ_NLU
DH21KENT								
1	21123325	Diệp Ái Huyền	Trân	17/12/2003	Nữ	3.17	Khá	3163/2025/DHCQ_NLU
2	21123330	La Đặng Kim	Tuyến	20/04/2003	Nữ	2.84	Khá	3161/2025/DHCQ_NLU
3	21123353	Phan Thị	Dung	24/06/2003	Nữ	3.15	Khá	3160/2025/DHCQ_NLU
4	21123365	Võ Thị Thùy	Trang	09/12/2003	Nữ	3.29	Giỏi	3162/2025/DHCQ_NLU
DH21KM								
1	21120145	Mạnh Thị Thuý	Nga	26/07/2003	Nữ	3.11	Khá	3165/2025/DHCQ_NLU
2	21120213	Nguyễn Quốc Minh	Quân	16/02/2003	Nam	2.92	Khá	3166/2025/DHCQ_NLU
3	21120394	Lê Thị Hồng	Hương	20/10/2003	Nữ	2.59	Khá	3164/2025/DHCQ_NLU
4	21120528	Đào Trần Anh	Thư	10/10/2003	Nữ	2.59	Khá	3167/2025/DHCQ_NLU
5	21120534	Nguyễn Trần Minh	Thư	28/01/2003	Nữ	2.98	Khá	3168/2025/DHCQ_NLU
6	21120571	Nguyễn Tuấn	Trường	06/02/2003	Nam	3.42	Giỏi	3169/2025/DHCQ_NLU
7	21120610	Hoàng Hải	Yến	11/11/2003	Nữ	2.81	Khá	3170/2025/DHCQ_NLU
DH21KN								
1	21155037	Phan Thảo	Quyên	27/08/2003	Nữ	2.71	Khá	3184/2025/DHCQ_NLU
2	21155061	Trần Thị	Anh	15/07/2003	Nữ	2.76	Khá	3171/2025/DHCQ_NLU
3	21155066	Lê Nguyễn Quỳnh	Châu	17/06/2003	Nữ	2.97	Khá	3173/2025/DHCQ_NLU
4	21155068	Bùi Trần Huy	Cương	11/03/2003	Nam	3.01	Khá	3172/2025/DHCQ_NLU
5	21155087	Đinh Ngọc	Hải	14/04/2003	Nam	2.54	Khá	3174/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
6	21155089	Nguyễn Thị Hồng	Hân	06/10/2003	Nữ	2.70	Khá	3175/2025/DHCQ_NLU
7	21155090	Trương Thị Ngọc	Hân	04/01/2003	Nữ	3.30	Giỏi	3176/2025/DHCQ_NLU
8	21155094	Trần Ngọc	Hoàng	05/06/2003	Nam	3.03	Khá	3177/2025/DHCQ_NLU
9	21155095	Lưu Thị Minh	Hoè	20/12/2003	Nữ	2.97	Khá	3178/2025/DHCQ_NLU
10	21155114	Trần Minh	Mẫn	12/10/2003	Nam	2.86	Khá	3179/2025/DHCQ_NLU
11	21155124	Đỗ Thị Tuyết	Nghiêm	06/06/2003	Nữ	2.71	Khá	3180/2025/DHCQ_NLU
12	21155131	Trương Tâm	Như	22/04/2003	Nữ	3.08	Khá	3181/2025/DHCQ_NLU
13	21155132	Vũ Thùy Yến	Như	16/06/2003	Nữ	2.75	Khá	3182/2025/DHCQ_NLU
14	21155136	Nguyễn Hoàng Mai	Phương	29/10/2003	Nữ	3.26	Giỏi	3183/2025/DHCQ_NLU
15	21155152	Nguyễn Minh	Thiện	30/10/2003	Nam	3.05	Khá	3186/2025/DHCQ_NLU
16	21155156	Phạm Minh	Tiến	02/05/2003	Nam	3.26	Giỏi	3185/2025/DHCQ_NLU
17	21155169	Trần Minh	Trí	16/10/2002	Nam	2.67	Khá	3187/2025/DHCQ_NLU
DH21KT								
1	20120313	Huỳnh Trần	Trần	31/10/2002	Nữ	3.04	Khá	3206/2025/DHCQ_NLU
2	21120040	Dư Thị Thúy	Duy	06/09/2003	Nữ	2.85	Khá	3189/2025/DHCQ_NLU
3	21120068	Nguyễn Đỗ Thị	Hiếu	17/10/2003	Nữ	3.00	Khá	3193/2025/DHCQ_NLU
4	21120086	Nguyễn Vũ Thanh	Huyền	19/07/2003	Nữ	3.12	Khá	3194/2025/DHCQ_NLU
5	21120325	Nguyễn Hồng	Á	07/07/2003	Nam	2.95	Khá	3188/2025/DHCQ_NLU
6	21120348	Lê Võ Xuân	Đào	16/12/2003	Nữ	2.94	Khá	3191/2025/DHCQ_NLU
7	21120349	Nguyễn Tấn	Đạt	02/04/2003	Nam	3.48	Giỏi	3192/2025/DHCQ_NLU
8	21120364	Ngô Tùng	Duy	15/10/2003	Nam	3.05	Khá	3190/2025/DHCQ_NLU
9	21120400	Thái Thị Khánh	Huyền	26/01/2003	Nữ	3.28	Khá	3195/2025/DHCQ_NLU
10	21120415	Phạm Gia	Linh	13/08/2003	Nữ	3.55	Giỏi	3196/2025/DHCQ_NLU
11	21120418	Trần Thị Kiều	Loan	03/04/2003	Nữ	3.21	Giỏi	3197/2025/DHCQ_NLU
12	21120439	Nguyễn Ngọc	Ngà	30/01/2003	Nữ	3.41	Giỏi	3198/2025/DHCQ_NLU
13	21120464	Trần Yến	Nhi	10/03/2003	Nữ	2.84	Khá	3199/2025/DHCQ_NLU
14	21120477	Nguyễn Xuân	Phong	20/03/2003	Nam	2.80	Khá	3200/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
15	21120484	Ngô Xuân Khánh	Phương	23/04/2003	Nữ	2.68	Khá	3201/2025/DHCQ_NLU
16	21120487	Huỳnh Thị Kim	Phượng	05/10/2003	Nữ	3.50	Giỏi	3202/2025/DHCQ_NLU
17	21120530	Đỗ Thị Minh	Thư	23/05/2003	Nữ	3.06	Khá	3203/2025/DHCQ_NLU
18	21120548	Nguyễn Quỳnh	Trâm	16/08/2003	Nữ	3.05	Khá	3205/2025/DHCQ_NLU
19	21120558	Phạm Thu	Trang	01/11/2003	Nữ	3.16	Khá	3204/2025/DHCQ_NLU
20	21120568	Nguyễn Thanh	Trúc	10/10/2003	Nữ	2.90	Khá	3207/2025/DHCQ_NLU
21	21120570	Nguyễn Lê Xuân	Trường	05/12/2003	Nam	2.88	Khá	3208/2025/DHCQ_NLU
22	21120588	Nguyễn Trần Tú	Uyên	11/03/2003	Nữ	3.14	Khá	3209/2025/DHCQ_NLU
23	21120612	Nguyễn Thị	Yến	06/01/2003	Nữ	3.24	Giỏi	3210/2025/DHCQ_NLU
DH21QT								
1	21122026	Trịnh Thị Thanh	Bình	04/10/2003	Nữ	3.11	Khá	3212/2025/DHCQ_NLU
2	21122479	Nguyễn Hoàng Tuấn	Anh	24/07/2003	Nam	2.94	Khá	3211/2025/DHCQ_NLU
3	21122505	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	01/07/2003	Nữ	3.34	Giỏi	3213/2025/DHCQ_NLU
4	21122576	Nguyễn Văn	Khang	11/10/2003	Nam	3.32	Giỏi	3214/2025/DHCQ_NLU
5	21122596	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	18/10/2003	Nữ	3.03	Khá	3215/2025/DHCQ_NLU
6	21122680	Trần Nguyễn Thiên	Quý	25/07/2003	Nữ	3.49	Giỏi	3216/2025/DHCQ_NLU
7	21122687	Nguyễn Đoàn Huy	Quyên	24/12/2003	Nam	2.95	Khá	3217/2025/DHCQ_NLU
8	21122727	Bùi Vũ Kim	Thư	21/02/2003	Nữ	3.28	Giỏi	3218/2025/DHCQ_NLU
9	21122763	Lê Thị	Trâm	25/05/2003	Nữ	3.10	Khá	3219/2025/DHCQ_NLU
10	21122817	Phan Kim	Vy	07/12/2003	Nữ	3.23	Giỏi	3220/2025/DHCQ_NLU
DH21QTCA								
1	21122497	Nguyễn Hải	Đăng	04/08/2003	Nam	3.03	Khá	3224/2025/DHCQ_NLU
2	21122518	Bùi Trương Thùy	Dương	19/09/2003	Nữ	3.15	Khá	3223/2025/DHCQ_NLU
3	21122523	Hồ Minh	Duy	19/03/2003	Nam	3.19	Khá	3221/2025/DHCQ_NLU
4	21122524	Nguyễn Minh	Duy	24/10/2003	Nam	3.01	Khá	3222/2025/DHCQ_NLU
5	21122678	Lê Đạt	Quang	10/02/2003	Nam	3.61	Xuất sắc	3225/2025/DHCQ_NLU
6	21122734	Phạm Thị Hoài	Thương	15/02/2002	Nữ	3.78	Xuất sắc	3227/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
7	21122754	Phạm Đình	Tiến	21/02/2003	Nam	2.89	Khá	3226/2025/DHCQ_NLU
DH21QTCB								
1	21122021	Nguyễn Thiên	Bảo	12/05/2003	Nam	3.32	Giỏi	3229/2025/DHCQ_NLU
2	21122069	Lê Thị Hồng	Duyên	28/01/2003	Nữ	3.28	Giỏi	3230/2025/DHCQ_NLU
3	21122478	Hoàng Thị Minh	Anh	20/11/2003	Nữ	3.51	Giỏi	3228/2025/DHCQ_NLU
4	21122586	Trần Nguyễn Ngọc	Lài	30/07/2003	Nữ	2.88	Khá	3231/2025/DHCQ_NLU
5	21122593	Nguyễn Hoàng Mỹ	Linh	10/04/2003	Nữ	2.97	Khá	3232/2025/DHCQ_NLU
6	21122632	Cao Thị Tuyết	Nga	16/04/2003	Nữ	3.16	Khá	3233/2025/DHCQ_NLU
7	21122828	Hồ Thị Hải	Yến	17/02/2003	Nữ	3.22	Giỏi	3234/2025/DHCQ_NLU
DH21QTNT								
1	21122871	Nguyễn Thị Ái	Ly	01/02/2003	Nữ	3.48	Giỏi	3236/2025/DHCQ_NLU
2	21130257	Từ Công	Huy	16/10/2003	Nam	3.00	Khá	3235/2025/DHCQ_NLU
DH21TC								
1	21122072	Phạm Thị Hồng	Gấm	11/11/2003	Nữ	3.36	Giỏi	3238/2025/DHCQ_NLU
2	21122364	Huỳnh Thị Ngọc	Trinh	26/11/2003	Nữ	3.40	Giỏi	3242/2025/DHCQ_NLU
3	21122526	Lương Thị	Duyên	27/02/2003	Nữ	2.96	Khá	3237/2025/DHCQ_NLU
4	21122556	Bùi Nguyễn Vũ	Hoàng	02/05/2003	Nam	3.17	Khá	3239/2025/DHCQ_NLU
5	21122582	Phạm Tuấn	Kiên	12/11/2003	Nam	2.79	Khá	3240/2025/DHCQ_NLU
6	21122742	Trần Thị Thanh	Thúy	30/09/2003	Nữ	2.81	Khá	3241/2025/DHCQ_NLU
DH21TM								
1	21122172	Quách Huỳnh Diễm	My	19/05/2003	Nữ	3.08	Khá	3248/2025/DHCQ_NLU
2	21122228	Phan Uyển	Nhi	25/07/2003	Nữ	3.19	Khá	3249/2025/DHCQ_NLU
3	21122285	Nguyễn Thị Ngân	Tâm	12/11/2003	Nữ	3.16	Khá	3252/2025/DHCQ_NLU
4	21122307	Nguyễn Nhã	Thi	02/11/2003	Nữ	2.89	Khá	3256/2025/DHCQ_NLU
5	21122470	Chúc Danh	An	22/08/2003	Nam	3.78	Xuất sắc	3243/2025/DHCQ_NLU
6	21122578	Võ Thị Kim	Khánh	22/01/2003	Nữ	2.89	Khá	3245/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
7	21122585	Nguyễn Vĩnh	Kỳ	31/03/2003	Nam	3.11	Khá	3244/2025/DHCQ_NLU
8	21122597	Trần Diệu	Linh	21/05/2003	Nữ	3.54	Giỏi	3246/2025/DHCQ_NLU
9	21122624	Đoàn Vũ Trà	My	20/08/2003	Nữ	3.24	Giỏi	3247/2025/DHCQ_NLU
10	21122691	Phạm Thị Ngọc	Sơn	02/10/2003	Nữ	3.20	Giỏi	3250/2025/DHCQ_NLU
11	21122692	Mai Hiền Tú	Sương	27/09/2003	Nữ	2.91	Khá	3251/2025/DHCQ_NLU
12	21122708	Nguyễn Diệp	Thảo	02/10/2002	Nam	2.76	Khá	3255/2025/DHCQ_NLU
13	21122748	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	19/09/2003	Nữ	2.98	Khá	3253/2025/DHCQ_NLU
14	21122798	Trần Thanh	Tùng	10/11/2003	Nam	3.40	Giỏi	3254/2025/DHCQ_NLU
15	21122823	Kiều Nữ Kim	Xuyến	11/06/2003	Nữ	3.41	Giỏi	3257/2025/DHCQ_NLU
DH22QT								
1	22122014	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	04/05/2004	Nữ	3.22	Giỏi	3258/2025/DHCQ_NLU
2	22122101	Lê Thị Thu	Hiền	02/10/2004	Nữ	3.78	Xuất sắc	3259/2025/DHCQ_NLU
3	22122223	Lê Tạ Bảo	Ngọc	24/09/2004	Nữ	3.17	Khá	3260/2025/DHCQ_NLU
4	22122234	Nguyễn Thị Hồng	Nhã	01/02/2003	Nữ	3.43	Giỏi	3261/2025/DHCQ_NLU
DH22TM								
1	22122480	Đoàn Nguyễn Như	Ý	05/03/2004	Nữ	3.38	Giỏi	3262/2025/DHCQ_NLU
Lâm nghiệp								
DH17GN								
1	17115070	Trần Công	Minh	23/03/1999	Nam	2.49	Trung bình	3263/2025/DHCQ_NLU
DH18CB								
1	18115098	Nguyễn Phúc	Tiến	30/06/2000	Nam	2.55	Khá	3264/2025/DHCQ_NLU
2	18115103	Hà Ngọc	Trâm	20/04/2000	Nữ	3.18	Khá	3265/2025/DHCQ_NLU
DH19GN								
1	19115047	Vũ Thị	Hương	28/10/2001	Nữ	3.03	Khá	3266/2025/DHCQ_NLU
2	19115150	Nguyễn Tường Mai	Vy	18/12/2001	Nữ	3.06	Khá	3267/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20CB								
1	20115216	Đàm Trường	Lân	02/12/2002	Nam	2.87	Khá	3268/2025/DHCQ_NLU
2	20115302	Nguyễn Ngọc Trường	Thành	05/10/2002	Nữ	3.34	Giỏi	3269/2025/DHCQ_NLU
DH20GN								
1	20115154	Nguyễn Vũ Thiên	Trúc	08/11/2002	Nữ	3.02	Khá	3273/2025/DHCQ_NLU
2	20115201	Phan Hồng Thảo	Hiền	19/09/2002	Nữ	3.04	Khá	3270/2025/DHCQ_NLU
3	20115210	Nguyễn Quốc	Huy	15/12/2002	Nam	2.79	Khá	3271/2025/DHCQ_NLU
4	20115303	Phan Thị Ngọc	Trâm	21/04/2002	Nữ	2.87	Khá	3272/2025/DHCQ_NLU
DH20LN								
1	20114058	Lê Thị Thanh	Trúc	07/05/2002	Nữ	2.92	Khá	3274/2025/DHCQ_NLU
DH20QR								
1	20164043	Cao Thụy Lan	Vy	06/05/2002	Nữ	2.79	Khá	3275/2025/DHCQ_NLU
DH21CB								
1	21115106	Trần Tấn	Võ	23/12/2003	Nam	3.05	Khá	3277/2025/DHCQ_NLU
2	21115242	Nguyễn Tú	Uyên	14/02/2003	Nữ	3.15	Khá	3276/2025/DHCQ_NLU
3	21115247	Võ Thành	Vương	15/06/2003	Nam	2.76	Khá	3278/2025/DHCQ_NLU
DH21GN								
1	21115055	Nguyễn Thị Thùy	Nhiên	05/03/2003	Nữ	3.04	Khá	3280/2025/DHCQ_NLU
2	21115067	Quách Mạnh	Quỳnh	31/03/2003	Nam	3.23	Giỏi	3285/2025/DHCQ_NLU
3	21115169	Lâm Tâm	Mẫn	09/05/2003	Nữ	3.15	Khá	3279/2025/DHCQ_NLU
4	21115194	Nguyễn Văn	Phong	05/04/2003	Nam	3.54	Giỏi	3281/2025/DHCQ_NLU
5	21115199	Võ Thị Thu	Phương	12/08/2003	Nữ	3.15	Khá	3282/2025/DHCQ_NLU
6	21115202	Nguyễn Huy	Quang	15/12/2003	Nam	3.23	Giỏi	3283/2025/DHCQ_NLU
7	21115203	Tạ Thị Phú	Quý	06/01/2003	Nữ	2.96	Khá	3284/2025/DHCQ_NLU
8	21115215	Hồ Thị Vân	Thư	16/06/2003	Nữ	3.12	Khá	3286/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21LD								
1	21165015	Ngô Trung	Kiên	06/12/2003	Nam	2.68	Khá	3287/2025/DHCQ_NLU
2	21165018	Nguyễn Công	Mạnh	21/10/2003	Nam	2.59	Khá	3288/2025/DHCQ_NLU
3	21165025	Đặng Lê Dạ	Thảo	14/07/2003	Nữ	3.08	Khá	3290/2025/DHCQ_NLU
4	21165027	Thái Trần Bảo	Trâm	26/10/2003	Nữ	2.95	Khá	3291/2025/DHCQ_NLU
5	21165030	Nguyễn Văn	Vinh	24/01/2003	Nam	2.91	Khá	3292/2025/DHCQ_NLU
6	21165034	Trịnh Nguyễn	Ngọc	19/06/2003	Nam	2.92	Khá	3289/2025/DHCQ_NLU
Môi trường và Tài nguyên								
DH16CH								
1	16131209	Nguyễn Đạt	Thành	16/07/1998	Nam	2.77	Khá	3293/2025/DHCQ_NLU
DH16QM								
1	16149013	Trần Thị Ngọc	Dung	24/02/1998	Nữ	3.08	Khá	3294/2025/DHCQ_NLU
DH18MT								
1	17127086	Nguyễn Kim Xuân	Trúc	31/07/1999	Nữ	3.07	Khá	3296/2025/DHCQ_NLU
2	18127072	Lê Nguyễn Trường	Thi	18/04/2000	Nam	2.76	Khá	3295/2025/DHCQ_NLU
DH18QM								
1	18149072	Nguyễn Thanh Thanh	Tâm	01/11/1999	Nữ	3.23	Giỏi	3297/2025/DHCQ_NLU
DH19QM								
1	19149054	Trương Thị Yến	Ngọc	28/01/2001	Nữ	2.63	Khá	3298/2025/DHCQ_NLU
2	19149104	Trần Thị Ngọc	Tuyết	12/10/2001	Nữ	2.62	Khá	3299/2025/DHCQ_NLU
DH20HM								
1	20166031	Mã Thị Bích	Hợp	11/08/2001	Nữ	2.85	Khá	3300/2025/DHCQ_NLU
2	20166066	Tạ Hoàng Minh	Thông	05/06/2001	Nam	2.72	Khá	3302/2025/DHCQ_NLU
3	20166068	Trần Hữu	Tín	25/10/2002	Nam	2.86	Khá	3301/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20LA								
1	20131060	Nguyễn Thị Quế	Trần	26/08/2002	Nữ	3.01	Khá	3303/2025/DHCQ_NLU
DH20LH								
1	20131078	Nguyễn Thị Kim	Chi	23/12/2002	Nữ	2.84	Khá	3304/2025/DHCQ_NLU
DH20MT								
1	20127144	Vũ Minh	Thư	24/08/2002	Nữ	2.64	Khá	3305/2025/DHCQ_NLU
DH20QM								
1	20149161	Trần Văn	Hiếu	23/10/2002	Nam	2.43	Trung bình	3306/2025/DHCQ_NLU
DH21DL								
1	21157119	Lê Hà Thanh	Trúc	14/05/2003	Nữ	2.93	Khá	3307/2025/DHCQ_NLU
DH21HM								
1	21166015	Dương Thị Hồng	Hiếu	02/10/2003	Nữ	2.93	Khá	3309/2025/DHCQ_NLU
2	21166086	Đoàn Mỹ	Trình	23/04/2003	Nữ	2.89	Khá	3313/2025/DHCQ_NLU
3	21166087	Lê Thị Diễm	Trình	30/12/2002	Nữ	2.80	Khá	3312/2025/DHCQ_NLU
4	21166114	Nguyễn Minh	Duy	18/04/2003	Nam	2.74	Khá	3308/2025/DHCQ_NLU
5	21166154	Võ Minh	Quân	21/09/2003	Nam	2.60	Khá	3310/2025/DHCQ_NLU
6	21166163	Nguyễn Minh	Thuận	06/02/2003	Nam	3.24	Giỏi	3311/2025/DHCQ_NLU
7	21166172	Nguyễn Quang	Trung	21/10/2003	Nam	3.03	Khá	3314/2025/DHCQ_NLU
DH21LA								
1	21133043	Đinh Huỳnh Thanh	Nhã	27/06/2003	Nữ	3.19	Khá	3318/2025/DHCQ_NLU
2	21133083	Võ Lê Hồng	Ân	17/09/2003	Nữ	3.28	Khá	3315/2025/DHCQ_NLU
3	21133088	Nguyễn Trần Huỳnh	Giao	07/05/2003	Nữ	3.27	Giỏi	3316/2025/DHCQ_NLU
4	21133092	Trần Gia	Huy	25/12/2003	Nam	3.08	Khá	3317/2025/DHCQ_NLU
5	21133120	Trương Ngọc Thanh	Thảo	03/05/2003	Nữ	3.31	Khá	3319/2025/DHCQ_NLU
6	21133124	Nguyễn Thị Bảo	Trần	05/05/2003	Nữ	3.41	Giỏi	3320/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21LH								
1	21133046	Trần Thị Xuân	Nhi	08/04/2003	Nữ	3.22	Giỏi	3322/2025/DHCQ_NLU
2	21133099	Nguyễn Chí	Lil	28/09/2002	Nam	3.21	Giỏi	3321/2025/DHCQ_NLU
DH21QM								
1	21149065	Hoàng Thị Thanh	Phuong	05/09/2003	Nữ	2.87	Khá	3325/2025/DHCQ_NLU
2	21149141	Nguyễn Thị Ngân	Giang	11/12/2003	Nữ	2.59	Khá	3323/2025/DHCQ_NLU
3	21149191	Nguyễn Xuân	Mai	27/07/2003	Nữ	2.70	Khá	3324/2025/DHCQ_NLU
4	21149248	Nguyễn Hữu	Sang	10/09/2003	Nam	2.63	Khá	3326/2025/DHCQ_NLU
Nông học								
DH14NHB								
1	14113063	Vô Văn	Hóa	12/04/1996	Nam	2.69	Khá	3353/2025/DHCQ_NLU
2	14113091	Nguyễn Thanh	Lâm	20/07/1996	Nam	2.29	Trung bình	3354/2025/DHCQ_NLU
DH15NHGL								
1	15113164	Nguyễn Tiến	Hoàng	19/06/1997	Nữ	2.19	Trung bình	3355/2025/DHCQ_NLU
DH16BV								
1	16145218	Lê Hữu	Nam	06/12/1997	Nam	2.62	Khá	3356/2025/DHCQ_NLU
DH18NHA								
1	18113065	Ngô Nguyễn Anh	Khoa	21/07/2000	Nam	2.64	Khá	3357/2025/DHCQ_NLU
DH18NHB								
1	18113082	Vòng Phúc	Long	06/10/2000	Nam	3.11	Khá	3358/2025/DHCQ_NLU
DH19NHA								
1	19132002	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	03/06/2001	Nữ	3.11	Khá	3359/2025/DHCQ_NLU
2	19132017	Vũ Nhật	Thịnh	07/07/2001	Nam	2.99	Khá	3360/2025/DHCQ_NLU
DH19NHB								
1	19113019	Đặng Minh	Cường	11/02/1998	Nam	2.98	Khá	3361/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19NHNT								
1	19113192	Nguyễn Mậu	Huy	2001	Nam	2.52	Khá	3362/2025/DHCQ_NLU
DH20BV								
1	20145007	Phạm Lương Minh	Chánh	17/10/2002	Nam	3.06	Khá	3363/2025/DHCQ_NLU
2	20145116	Lê Thị	Hường	09/09/2002	Nữ	2.86	Khá	3364/2025/DHCQ_NLU
DH20NHA								
1	20113028	Nguyễn Khả Trọng	Đức	13/01/2002	Nam	2.64	Khá	3366/2025/DHCQ_NLU
2	20113222	Huỳnh Văn	Dầu	15/05/2002	Nam	2.81	Khá	3365/2025/DHCQ_NLU
3	20124393	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	12/03/2002	Nữ	2.93	Khá	3367/2025/DHCQ_NLU
DH20NHB								
1	20113312	Ngô Cao Thiện	Phúc	03/04/2002	Nam	2.98	Khá	3368/2025/DHCQ_NLU
2	20113316	Nguyễn Huỳnh Hiền	Phương	09/03/2001	Nữ	2.61	Khá	3369/2025/DHCQ_NLU
DH21BVA								
1	21145008	Hồ Thị Y	Băng	03/08/2003	Nữ	2.82	Khá	3372/2025/DHCQ_NLU
2	21145011	Nguyễn Lê Ngọc	Châu	06/08/2003	Nữ	2.94	Khá	3374/2025/DHCQ_NLU
3	21145015	Phan Văn Hữu	Danh	27/04/2003	Nam	2.85	Khá	3376/2025/DHCQ_NLU
4	21145044	Đặng Hồng	Nghi	25/06/2003	Nữ	3.00	Khá	3382/2025/DHCQ_NLU
5	21145050	Lê Thị Tuyết	Như	07/10/2003	Nữ	3.40	Giỏi	3385/2025/DHCQ_NLU
6	21145079	Nguyễn Lê Ngọc	Trâm	10/01/2003	Nữ	2.47	Trung bình	3386/2025/DHCQ_NLU
7	21145104	Lê Thùy	An	03/08/2003	Nữ	3.43	Giỏi	3371/2025/DHCQ_NLU
8	21145105	Nguyễn Phúc Duy	An	19/12/2003	Nam	3.00	Khá	3370/2025/DHCQ_NLU
9	21145114	Đặng Ngọc	Chân	03/11/2003	Nam	3.33	Giỏi	3373/2025/DHCQ_NLU
10	21145119	Phan Minh	Chí	09/03/2003	Nam	3.18	Khá	3375/2025/DHCQ_NLU
11	21145122	Dương Thị Hồng	Đào	15/10/2003	Nữ	3.35	Giỏi	3378/2025/DHCQ_NLU
12	21145138	Nguyễn Lê Kim	Duyên	24/08/2003	Nữ	3.26	Giỏi	3377/2025/DHCQ_NLU
13	21145145	Phạm Hòa	Hiệp	10/04/2003	Nam	2.75	Khá	3379/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
14	21145146	Võ Huỳnh Chí	Hiếu	15/06/2003	Nam	2.97	Khá	3380/2025/DHCQ_NLU
15	21145156	Nim Quốc	Huy	27/11/2003	Nam	2.81	Khá	3381/2025/DHCQ_NLU
16	21145175	Mai Lê Thành	Nguyên	30/09/2003	Nam	3.58	Giỏi	3383/2025/DHCQ_NLU
17	21145179	Lê Trọng	Nhân	27/01/2003	Nam	2.85	Khá	3384/2025/DHCQ_NLU
DH21BVB								
1	21145077	Võ Lan	Tiên	23/06/2003	Nam	3.69	Xuất sắc	3390/2025/DHCQ_NLU
2	21145082	Trần Minh	Trí	02/01/2003	Nam	3.63	Xuất sắc	3394/2025/DHCQ_NLU
3	21145094	Nguyễn Quốc	Việt	21/08/2003	Nam	3.09	Khá	3396/2025/DHCQ_NLU
4	21145095	Trần Hoàng	Việt	14/01/2003	Nam	2.97	Khá	3397/2025/DHCQ_NLU
5	21145115	Trương Hạ	Châu	15/05/2003	Nữ	3.21	Giỏi	3387/2025/DHCQ_NLU
6	21145161	Huỳnh Thế	Lân	03/01/2003	Nam	3.19	Khá	3388/2025/DHCQ_NLU
7	21145162	Nguyễn Huỳnh Kiều	Linh	27/05/2003	Nữ	2.72	Khá	3389/2025/DHCQ_NLU
8	21145209	Hồ Ngọc Anh	Thư	14/07/2003	Nữ	3.17	Khá	3392/2025/DHCQ_NLU
9	21145212	Võ Phạm Anh	Thư	10/05/2003	Nữ	2.98	Khá	3393/2025/DHCQ_NLU
10	21145218	Lăng Văn	Tiền	25/08/2003	Nam	3.06	Khá	3391/2025/DHCQ_NLU
11	21145241	Võ Thị Tường	Vi	25/11/2003	Nữ	3.11	Khá	3395/2025/DHCQ_NLU
DH21NHA								
1	21113070	Võ Minh	Quang	07/05/2003	Nam	2.95	Khá	3400/2025/DHCQ_NLU
2	21113089	Nguyễn Thị Mai	Thi	01/03/2001	Nữ	3.37	Giỏi	3401/2025/DHCQ_NLU
3	21113118	Lê Quang	Vinh	27/01/2003	Nam	2.63	Khá	3402/2025/DHCQ_NLU
4	21113162	Nguyễn Thành	Đạt	07/04/2003	Nam	3.00	Khá	3399/2025/DHCQ_NLU
5	21113172	Hồ Thanh	Duy	21/10/2003	Nam	2.66	Khá	3398/2025/DHCQ_NLU
DH21NHB								
1	21113009	Nguyễn Thái	Bình	17/07/2003	Nam	2.87	Khá	3404/2025/DHCQ_NLU
2	21113145	Trần Tuấn	Anh	20/06/2003	Nam	3.04	Khá	3403/2025/DHCQ_NLU
3	21113179	Nguyễn Thị Như	Hào	25/03/2003	Nữ	2.86	Khá	3405/2025/DHCQ_NLU
4	21113241	Hồ Thị Thu	Nguyệt	06/02/2003	Nữ	2.73	Khá	3406/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
5	21113310	Đỗ Nguyên	Thùy	02/02/2003	Nam	3.26	Giỏi	3407/2025/DHCQ_NLU
DH21NHC								
1	21113229	Trần Minh Ngọc	Mai	15/08/2003	Nữ	2.98	Khá	3408/2025/DHCQ_NLU
2	21113240	Phạm Ngọc Công	Nguyên	02/12/2003	Nam	2.67	Khá	3409/2025/DHCQ_NLU
3	21113246	Hầu Gia Yên	Nhi	21/04/2003	Nữ	3.00	Khá	3410/2025/DHCQ_NLU
4	21113259	Nguyễn Thuận	Phát	30/01/2003	Nam	2.78	Khá	3411/2025/DHCQ_NLU
5	21113294	Nguyễn Minh	Thành	25/10/2003	Nam	3.34	Giỏi	3413/2025/DHCQ_NLU
6	21113324	Lê Thị Mai	Trình	10/08/2003	Nữ	3.49	Giỏi	3414/2025/DHCQ_NLU
7	21113339	Nguyễn Thị	Tươi	23/04/2003	Nữ	3.09	Khá	3412/2025/DHCQ_NLU
8	21113343	Nguyễn Thùy	Vân	25/05/2003	Nữ	3.02	Khá	3415/2025/DHCQ_NLU
TC20NHDN								
1	20213004	Nguyễn Thọ	Hải	12/10/1987	Nam	2.98	Khá	3416/2025/DHVLVH_NLU
2	20213005	Hồ Thị Hoàng	Hậu	25/07/1995	Nữ	3.01	Khá	3417/2025/DHVLVH_NLU
3	20213008	Lê Duy	Khanh	16/09/1984	Nam	3.08	Khá	3419/2025/DHVLVH_NLU
4	20213010	Nguyễn Tăng	Lợi	20/02/1989	Nam	3.11	Khá	3420/2025/DHVLVH_NLU
5	20213017	Nguyễn Thanh	Quân	20/02/1991	Nam	3.25	Giỏi	3424/2025/DHVLVH_NLU
6	20213022	Lê Minh	Tú	18/10/1995	Nam	2.92	Khá	3425/2025/DHVLVH_NLU
7	20213024	Lê Thanh	Tuấn	18/07/1987	Nam	2.69	Khá	3426/2025/DHVLVH_NLU
8	20213033	Đặng Quang	Vinh	14/10/1992	Nam	2.95	Khá	3429/2025/DHVLVH_NLU
9	20213043	Lê Hoàng Tuấn	Kiệt	08/01/1993	Nam	3.36	Giỏi	3418/2025/DHVLVH_NLU
10	20213047	Nguyễn Huỳnh Thế	Nga	30/10/1984	Nữ	3.22	Giỏi	3421/2025/DHVLVH_NLU
11	20213049	Ngô Thị Tuyết	Nhi	30/04/1990	Nữ	3.12	Khá	3422/2025/DHVLVH_NLU
12	20213050	Lưu Quốc	Phong	01/06/1986	Nam	3.18	Khá	3423/2025/DHVLVH_NLU
13	20213063	Trần Thị Ngọc	Thúy	11/03/1985	Nữ	3.19	Khá	3427/2025/DHVLVH_NLU
14	20213064	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	27/03/1982	Nữ	3.04	Khá	3428/2025/DHVLVH_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Ngoại ngữ - Sư phạm								
DH15SP								
1	15132101	Lê Thị Thanh	Thảo	26/05/1997	Nữ	2.60	Khá	3327/2025/DHCQ_NLU
DH18AV								
1	18128124	Nguyễn Minh	Nhật	27/11/2000	Nam	2.53	Khá	3328/2025/DHCQ_NLU
DH19AV								
1	19128061	Phùng Thanh	Huyền	08/01/2001	Nữ	2.51	Khá	3329/2025/DHCQ_NLU
2	19128063	Y Diu Mlô	Kbuôr	30/04/2001	Nam	2.57	Khá	3330/2025/DHCQ_NLU
3	19128069	Nguyễn Thị Ngọc	Khuyên	14/09/2001	Nữ	2.62	Khá	3331/2025/DHCQ_NLU
4	19128121	Đỗ Thị Quỳnh	Như	24/02/2001	Nữ	2.33	Trung bình	3332/2025/DHCQ_NLU
5	19128136	Nguyễn Như Hiền	Phước	25/10/2001	Nữ	2.43	Trung bình	3333/2025/DHCQ_NLU
6	19128187	Phạm Trần Thảo	Trang	26/05/2000	Nữ	2.45	Trung bình	3334/2025/DHCQ_NLU
DH20AV								
1	20128112	Vũ Ngọc	Lan	25/06/2002	Nữ	2.34	Trung bình	3337/2025/DHCQ_NLU
2	20128142	Phạm Thị Thanh	An	20/07/2002	Nữ	2.29	Trung bình	3335/2025/DHCQ_NLU
3	20128149	Trần Ngọc Lan	Anh	07/07/2002	Nữ	2.35	Trung bình	3336/2025/DHCQ_NLU
4	20128219	Vũ Minh	Nghi	11/08/2002	Nữ	2.58	Khá	3338/2025/DHCQ_NLU
5	20128230	Mã Quỳnh	Nhi	17/01/2002	Nữ	2.05	Trung bình	3339/2025/DHCQ_NLU
DH21AV								
1	21128054	Đặng Ngọc	Huỳnh	05/09/2002	Nữ	2.75	Khá	3342/2025/DHCQ_NLU
2	21128055	Dương Thị	Huỳnh	27/11/2003	Nữ	2.43	Trung bình	3341/2025/DHCQ_NLU
3	21128059	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	12/02/2003	Nữ	2.75	Khá	3344/2025/DHCQ_NLU
4	21128122	Nguyễn Lê Minh	Quân	26/09/2003	Nam	2.91	Khá	3346/2025/DHCQ_NLU
5	21128228	Phan Di	Hồng	18/12/2003	Nữ	2.72	Khá	3340/2025/DHCQ_NLU
6	21128233	Nguyễn Trung	Kiên	13/05/2003	Nam	3.07	Khá	3343/2025/DHCQ_NLU
7	21128247	Vũ Thị Minh	Nguyệt	09/08/2003	Nữ	3.09	Khá	3345/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
8	21128257	Nguyễn Ngọc Phương	Quyên	26/11/2003	Nữ	2.92	Khá	3347/2025/DHCQ_NLU
9	21128258	Phạm Thị Như	Quỳnh	20/04/2003	Nữ	2.69	Khá	3348/2025/DHCQ_NLU
10	21128277	Trần Thị Hải	Yến	30/05/2003	Nữ	2.88	Khá	3349/2025/DHCQ_NLU
DH21SP								
1	21132008	Võ Ái	Nhi	24/03/2003	Nữ	2.80	Khá	3352/2025/DHCQ_NLU
2	21132023	Nguyễn Thanh	Bình	31/05/2003	Nam	2.90	Khá	3350/2025/DHCQ_NLU
3	21132034	Vũ Thị Thúy	Hường	31/05/2003	Nữ	3.05	Khá	3351/2025/DHCQ_NLU
Phân hiệu Ninh Thuận								
CD22MNNT								
1	22374002	Nguyễn Thị Thúy	An	06/01/2004	Nữ	7.39	Khá	3430/2025/CDCQ_NLU
2	22374003	Nguyễn Nhất Thiên	Ân	06/02/2004	Nữ	7.54	Khá	3431/2025/CDCQ_NLU
3	22374004	Võ Thị Bảo	Châu	30/01/2004	Nữ	7.31	Khá	3432/2025/CDCQ_NLU
4	22374006	Thành Thị Nhị	Hà	04/03/2004	Nữ	7.23	Khá	3433/2025/CDCQ_NLU
5	22374009	Phạm Thị Diệu	Hiền	16/04/2004	Nữ	7.34	Khá	3434/2025/CDCQ_NLU
6	22374012	Đổng Diễm	Hồng	02/09/2004	Nữ	6.84	Trung bình khá	3435/2025/CDCQ_NLU
7	22374016	Phạm Thị Ngọc	Linh	24/10/2004	Nữ	6.34	Trung bình khá	3436/2025/CDCQ_NLU
8	22374017	Nguyễn Phạm Hoài	Mi	02/12/2000	Nữ	7.27	Khá	3437/2025/CDCQ_NLU
9	22374020	Nguyễn Bảo Ái	Ngân	25/07/2003	Nữ	6.98	Trung bình khá	3438/2025/CDCQ_NLU
10	22374023	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	15/10/2004	Nữ	6.83	Trung bình khá	3439/2025/CDCQ_NLU
11	22374026	Nguyễn Bùi Cẩm	Quỳnh	17/07/2004	Nữ	6.89	Trung bình khá	3440/2025/CDCQ_NLU
12	22374034	Võ Trần Huyền	Trân	15/07/2004	Nữ	6.96	Trung bình khá	3442/2025/CDCQ_NLU
13	22374036	Nguyễn Thị Thùy	Trang	28/07/2004	Nữ	6.56	Trung bình khá	3441/2025/CDCQ_NLU
14	22374040	Kiều Nữ Thùy	Vân	07/08/2004	Nữ	7.00	Khá	3443/2025/CDCQ_NLU
15	22374041	Đặng Thị Kim	Yến	30/03/2004	Nữ	6.97	Trung bình khá	3444/2025/CDCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
Quản lý đất đai và Bất động sản								
DH19QL								
1	19124289	Nguyễn Hữu Quỳnh	Trâm	30/12/2001	Nữ	2.52	Khá	3445/2025/DHCQ_NLU
DH19TB								
1	19124078	Vũ Khánh	Hà	18/02/2001	Nữ	2.80	Khá	3446/2025/DHCQ_NLU
DH20QD								
1	20124299	Trần Đỗ Gia	Giang	07/06/2002	Nam	2.71	Khá	3447/2025/DHCQ_NLU
2	20124423	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	30/01/2002	Nữ	2.61	Khá	3448/2025/DHCQ_NLU
3	20124478	Trần Minh	Thành	12/10/2002	Nam	2.63	Khá	3449/2025/DHCQ_NLU
DH20QL								
1	20124271	Đỗ Thị Quỳnh	Chi	06/01/2002	Nữ	2.42	Trung bình	3450/2025/DHCQ_NLU
2	20124296	Nguyễn Huỳnh Dương	Giang	08/07/2002	Nữ	2.48	Trung bình	3451/2025/DHCQ_NLU
3	20124306	Đinh Ngọc	Hân	27/06/2002	Nữ	2.40	Trung bình	3452/2025/DHCQ_NLU
4	20124332	Đoàn Nguyễn Hưng	Huy	13/02/2002	Nam	2.49	Trung bình	3453/2025/DHCQ_NLU
5	20124538	Trần Lam	Trường	07/01/2002	Nam	2.41	Trung bình	3455/2025/DHCQ_NLU
6	20124544	Huỳnh Thị Bích	Tuyền	13/07/2002	Nữ	2.94	Khá	3454/2025/DHCQ_NLU
DH20TB								
1	20135067	Nguyễn Mạnh	Hùng	03/11/2002	Nam	3.18	Khá	3456/2025/DHCQ_NLU
DH21DC								
1	21124292	Lê Hoàng	Anh	09/11/2003	Nam	3.52	Giỏi	3457/2025/DHCQ_NLU
DH21QD								
1	21124283	Đặng Hải	Long	15/11/2003	Nam	3.00	Khá	3459/2025/DHCQ_NLU
2	21124389	Trần Thị Hà	Lam	25/06/2003	Nữ	3.22	Giỏi	3458/2025/DHCQ_NLU
DH21QL								
1	21124009	Võ Kiều	Anh	10/09/2003	Nữ	2.78	Khá	3460/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
2	21124018	Huỳnh Thị Ngọc	Bích	23/06/2003	Nữ	2.55	Khá	3461/2025/DHCQ_NLU
3	21124020	Tổng Thị	Bình	09/07/2003	Nữ	2.73	Khá	3462/2025/DHCQ_NLU
4	21124113	Trần Ngọc Phương	Liên	06/01/2003	Nữ	2.47	Trung bình	3468/2025/DHCQ_NLU
5	21124135	Tăng Thị Kim	Ngân	27/10/2003	Nữ	3.07	Khá	3472/2025/DHCQ_NLU
6	21124136	Trần Thị Bích	Ngân	16/02/2003	Nữ	2.65	Khá	3473/2025/DHCQ_NLU
7	21124150	Bùi Anh	Nhân	02/10/2003	Nam	2.61	Khá	3474/2025/DHCQ_NLU
8	21124189	Ngô Thị Mỹ	Tâm	20/01/2003	Nữ	3.03	Khá	3479/2025/DHCQ_NLU
9	21124197	Nguyễn Tấn	Thành	21/04/2003	Nam	2.54	Khá	3480/2025/DHCQ_NLU
10	21124209	Trương Nguyễn Anh	Thư	21/06/2003	Nữ	2.73	Khá	3482/2025/DHCQ_NLU
11	21124229	Võ Thị Huế	Trân	27/08/2003	Nữ	2.78	Khá	3484/2025/DHCQ_NLU
12	21124307	Kim	Châu	01/10/2003	Nam	2.46	Trung bình	3463/2025/DHCQ_NLU
13	21124308	Phạm Thị Minh	Châu	22/03/2003	Nữ	2.62	Khá	3464/2025/DHCQ_NLU
14	21124337	Sơn Thị Ngọc	Hà	26/07/2003	Nữ	2.80	Khá	3465/2025/DHCQ_NLU
15	21124360	Nguyễn Công	Hon	20/12/2003	Nam	3.00	Khá	3466/2025/DHCQ_NLU
16	21124386	Lâm Tuấn	Kiệt	13/09/2003	Nam	2.99	Khá	3467/2025/DHCQ_NLU
17	21124399	Đào Công	Lộc	11/12/2002	Nam	3.11	Khá	3469/2025/DHCQ_NLU
18	21124412	Nguyễn Trương Quốc	Minh	26/09/2003	Nam	2.83	Khá	3470/2025/DHCQ_NLU
19	21124421	Võ Thị Thúy	Nga	06/11/2003	Nữ	2.80	Khá	3471/2025/DHCQ_NLU
20	21124463	Đoàn Xa	Quang	04/02/2002	Nam	2.78	Khá	3475/2025/DHCQ_NLU
21	21124465	Trần Thị Nguyệt	Quế	10/06/2003	Nữ	2.86	Khá	3476/2025/DHCQ_NLU
22	21124470	Nguyễn Nhật Bảo	Quyên	03/02/2003	Nữ	2.75	Khá	3477/2025/DHCQ_NLU
23	21124472	Ngô Thị	Quỳnh	07/05/2003	Nữ	3.13	Khá	3478/2025/DHCQ_NLU
24	21124507	Võ Thị Anh	Thư	28/10/2003	Nữ	2.74	Khá	3481/2025/DHCQ_NLU
25	21124509	Võ Công	Thương	20/10/2003	Nam	2.96	Khá	3483/2025/DHCQ_NLU
DH21TB								
1	21135130	Võ Thị Ngọc	Nữ	08/10/2003	Nữ	2.94	Khá	3487/2025/DHCQ_NLU
2	21135188	Lê Huỳnh Mỹ	Tiên	08/06/2003	Nữ	2.64	Khá	3489/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
3	21135247	Đặng Thị Ngọc	Ánh	20/10/2003	Nữ	2.84	Khá	3485/2025/DHCQ_NLU
4	21135302	Châu Việt	Luân	26/08/2003	Nam	2.84	Khá	3486/2025/DHCQ_NLU
5	21135334	Huỳnh Cao Thành	Phát	07/04/2003	Nam	2.74	Khá	3488/2025/DHCQ_NLU
6	21135355	Võ Thị Thanh	Thanh	20/07/2003	Nữ	2.87	Khá	3490/2025/DHCQ_NLU
7	21135393	Huỳnh Ngọc Thảo	Vy	09/03/2003	Nữ	2.80	Khá	3491/2025/DHCQ_NLU
Khoa học sinh học								
DH18SHA								
1	18126024	Võ Thảo	Du	11/10/2000	Nữ	3.03	Khá	3492/2025/DHCQ_NLU
DH18SHB								
1	18126026	Võ Ngọc	Dũng	20/04/2000	Nam	3.11	Khá	3493/2025/DHCQ_NLU
DH19SHA								
1	19126137	Trần Hữu	Phước	30/12/2000	Nam	3.05	Khá	3495/2025/DHCQ_NLU
2	19126274	Ha Sa	Ni	17/05/2000	Nữ	2.44	Trung bình	3494/2025/DHCQ_NLU
DH19SHC								
1	19126262	Lưu Ngọc Phương	Uyên	05/10/2001	Nữ	2.69	Khá	3496/2025/DHCQ_NLU
DH19SHD								
1	19126152	Trần Anh	Tài	30/06/2001	Nam	3.10	Khá	3497/2025/DHCQ_NLU
DH19SM								
1	19126096	Nguyễn Thị Xuân	Mai	01/01/2001	Nữ	3.41	Giỏi	3498/2025/DHCQ_NLU
DH20SHA								
1	20126184	Chu Thị Hồng	Ánh	03/01/2002	Nữ	2.76	Khá	3499/2025/DHCQ_NLU
2	20126343	Võ Lê Minh	Quân	13/09/2002	Nam	3.18	Khá	3500/2025/DHCQ_NLU
DH20SHB								
1	20126153	Cao Thị	Huỳnh	03/05/2001	Nữ	2.81	Khá	3502/2025/DHCQ_NLU
2	20126257	Hà Gia	Huy	08/01/2002	Nam	3.51	Giỏi	3501/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20SHD								
1	20126281	Nguyễn Trần Khánh	Lan	05/06/2002	Nữ	2.85	Khá	3503/2025/DHCQ_NLU
2	20126313	Nguyễn Thị Tố	Nga	24/01/2002	Nữ	2.90	Khá	3504/2025/DHCQ_NLU
DH20SM								
1	20126360	Châu Thị Bích	Thi	04/07/2002	Nữ	2.93	Khá	3505/2025/DHCQ_NLU
DH21SHA								
1	21126344	Vũ Phan Đình	Hiệp	04/01/2003	Nam	3.04	Khá	3506/2025/DHCQ_NLU
2	21126394	Lê Thị Ngọc	Loan	18/02/2003	Nữ	3.22	Giỏi	3507/2025/DHCQ_NLU
3	21126423	Nguyễn Văn	Nghĩa	29/08/2003	Nam	2.96	Khá	3508/2025/DHCQ_NLU
4	21126442	Nguyễn Ngọc	Nhi	20/09/2003	Nữ	3.24	Giỏi	3509/2025/DHCQ_NLU
DH21SHB								
1	21126550	Lê Thị Thùy	Trang	26/10/2003	Nữ	3.04	Khá	3510/2025/DHCQ_NLU
DH21SHC								
1	21126466	Huỳnh Thị Hồng	Phúc	11/09/2003	Nữ	2.66	Khá	3511/2025/DHCQ_NLU
DH21SHD								
1	21126569	Võ Thụy Ngọc	Tuyền	09/12/2003	Nữ	3.40	Giỏi	3512/2025/DHCQ_NLU
DH21SM								
1	21126291	Võ Thị Kim	Chi	08/01/2003	Nữ	3.23	Giỏi	3513/2025/DHCQ_NLU
2	21126352	Nguyễn Thị	Hồng	21/09/2003	Nữ	3.15	Khá	3514/2025/DHCQ_NLU
3	21126436	Nguyễn Minh	Nhật	10/06/2003	Nam	3.41	Giỏi	3515/2025/DHCQ_NLU
Công nghệ thông tin								
DH15DTA								
1	15130028	Phạm Thành	Đạt	06/12/1997	Nam	2.05	Trung bình	3619/2025/DHCQ_NLU
DH17DTA								
1	17130211	Trần Quý Quang	Thái	05/08/1999	Nam	2.56	Khá	3620/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH19DTA								
1	19130147	Huỳnh Thị Diễm	Ngân	08/09/2001	Nữ	2.82	Khá	3621/2025/DHCQ_NLU
DH19DTC								
1	19130047	Lê Huỳnh	Đức	10/05/2001	Nam	2.19	Trung bình	3622/2025/DHCQ_NLU
2	19130187	Tô Thị	Quyên	05/11/2000	Nữ	2.24	Trung bình	3623/2025/DHCQ_NLU
DH20DTB								
1	20130465	Đặng Thế	Vũ	08/01/2000	Nam	2.44	Trung bình	3624/2025/DHCQ_NLU
DH20DTC								
1	20130414	Nguyễn Quang	Thọ	23/06/2002	Nam	3.05	Khá	3625/2025/DHCQ_NLU
DH21DTA								
1	21130079	Nguyễn Tấn	Khoa	26/08/2003	Nam	3.13	Khá	3626/2025/DHCQ_NLU
2	21130122	Nguyễn Phương	Nhã	09/12/2003	Nam	3.51	Giỏi	3627/2025/DHCQ_NLU
DH21DTB								
1	21130291	Nguyễn Thanh	Bình	19/11/2003	Nam	2.59	Khá	3628/2025/DHCQ_NLU
2	21130327	Phùng Văn	Được	02/09/2003	Nam	2.88	Khá	3629/2025/DHCQ_NLU
3	21130343	Nguyễn Trọng	Hải	18/09/2003	Nam	3.02	Khá	3630/2025/DHCQ_NLU
4	21130356	Ngô Quang	Hiếu	21/09/2003	Nam	3.52	Giỏi	3631/2025/DHCQ_NLU
5	21130386	Trần Võ Hoàng	Huy	21/10/2003	Nam	2.92	Khá	3632/2025/DHCQ_NLU
DH21DTC								
1	21130451	Nguyễn Thị Chúc	Ngân	16/12/2003	Nữ	3.29	Giỏi	3633/2025/DHCQ_NLU
2	21130467	Nguyễn Việt	Pha	10/04/2003	Nam	2.81	Khá	3634/2025/DHCQ_NLU
3	21130473	Lâm Hồng	Phong	14/01/2003	Nam	2.64	Khá	3635/2025/DHCQ_NLU
4	21130495	Trần Minh	Quân	25/07/2001	Nam	2.85	Khá	3636/2025/DHCQ_NLU
5	21130503	Đặng Hữu	Quý	10/04/2003	Nam	3.10	Khá	3637/2025/DHCQ_NLU
6	21130504	Kiều Thị Ngọc	Quý	01/02/2003	Nữ	2.56	Khá	3638/2025/DHCQ_NLU
7	21130511	Đặng Thanh	Sang	03/04/2003	Nam	2.65	Khá	3639/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21DTD								
1	21124548	Nguyễn Hoàng	Việt	21/09/2003	Nam	3.05	Khá	3646/2025/DHCQ_NLU
2	21130528	Cao Thành	Tân	06/07/2003	Nam	2.85	Khá	3640/2025/DHCQ_NLU
3	21130553	Nguyễn Thị Hoài	Thu	25/12/2003	Nữ	2.90	Khá	3644/2025/DHCQ_NLU
4	21130591	Lê Chí	Trường	08/12/2003	Nam	3.22	Giỏi	3645/2025/DHCQ_NLU
5	21130595	Nguyễn Hoàng	Tú	12/05/2003	Nam	3.22	Giỏi	3641/2025/DHCQ_NLU
6	21130603	Võ Thanh	Tuấn	06/07/2003	Nam	3.51	Giỏi	3642/2025/DHCQ_NLU
7	21130606	Lê Vũ Ánh	Tuyết	19/09/2003	Nữ	2.81	Khá	3643/2025/DHCQ_NLU
Công nghệ Hóa học và Thực phẩm								
DH17TP								
1	17125339	Lại Quốc	Tuấn	27/12/1999	Nam	3.24	Giỏi	3516/2025/DHCQ_NLU
DH19BQC								
1	19125476	Trương Thị Mỹ	An	23/05/2001	Nữ	2.77	Khá	3517/2025/DHCQ_NLU
DH19HD								
1	19139156	Lê Trương Tấn	Thoại	16/11/2001	Nam	2.39	Trung bình	3518/2025/DHCQ_NLU
DH19VT								
1	19125113	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	19/03/2001	Nữ	2.81	Khá	3519/2025/DHCQ_NLU
DH20BQC								
1	20125313	Ngô Hoàng	Ân	19/02/2002	Nam	2.58	Khá	3520/2025/DHCQ_NLU
2	20125448	Nguyễn Lê	Khang	09/01/2002	Nam	2.56	Khá	3521/2025/DHCQ_NLU
3	20125495	Châu Quang	Lợi	18/10/2002	Nam	2.52	Khá	3522/2025/DHCQ_NLU
DH20DD								
1	20125336	Phạm Văn	Cao	24/11/2002	Nam	3.51	Giỏi	3523/2025/DHCQ_NLU
2	20125787	Hồ Thị Thanh	Tuyền	11/01/2002	Nữ	2.81	Khá	3524/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH20HD								
1	20139208	Võ Hoàn	Hào	01/01/2002	Nữ	2.59	Khá	3525/2025/DHCQ_NLU
2	20139255	Kiều Đặng Quỳnh	Mi	17/06/2002	Nữ	2.51	Khá	3526/2025/DHCQ_NLU
3	20139283	Nguyễn Thị Yến	Nhi	10/01/2002	Nữ	2.51	Khá	3527/2025/DHCQ_NLU
4	20139311	Phạm Nguyễn Như	Quỳnh	26/03/2001	Nữ	2.57	Khá	3528/2025/DHCQ_NLU
DH20HS								
1	20139217	Nguyễn Trung	Hiếu	05/12/2002	Nam	2.73	Khá	3529/2025/DHCQ_NLU
2	20139294	Huỳnh Trọng	Phú	12/03/2002	Nam	2.40	Trung bình	3530/2025/DHCQ_NLU
3	20139373	Đỗ Khánh	Vi	01/05/2002	Nữ	2.15	Trung bình	3531/2025/DHCQ_NLU
DH20HT								
1	20139274	Võ Ngọc Cát	Nguyên	09/07/2002	Nữ	2.59	Khá	3532/2025/DHCQ_NLU
DH20TP								
1	19125513	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	06/01/2001	Nữ	3.91	Xuất sắc	3534/2025/DHCQ_NLU
2	20125262	Phạm Cao Huỳnh Khởi	Phụng	11/02/2002	Nữ	3.45	Giỏi	3535/2025/DHCQ_NLU
3	20125347	Nguyễn Ngọc	Đang	05/09/2002	Nữ	2.93	Khá	3533/2025/DHCQ_NLU
DH20VT								
1	20125011	Trương Ngọc	Ánh	05/09/2002	Nữ	2.88	Khá	3536/2025/DHCQ_NLU
2	20125528	Lê Thị Trà	My	18/03/2002	Nữ	3.18	Khá	3537/2025/DHCQ_NLU
3	20125657	Nguyễn Phan Minh	Sang	25/03/2002	Nam	3.35	Giỏi	3538/2025/DHCQ_NLU
4	20125712	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	06/10/2002	Nữ	2.66	Khá	3539/2025/DHCQ_NLU
DH21BQ								
1	21129634	Vũ Gia	Hân	17/06/2003	Nữ	3.47	Giỏi	3540/2025/DHCQ_NLU
2	21129642	Lê Văn Anh	Tuấn	12/07/2003	Nam	2.66	Khá	3545/2025/DHCQ_NLU
3	21129682	Nguyễn Đoàn Đức	Huy	02/05/2003	Nam	2.90	Khá	3541/2025/DHCQ_NLU
4	21129704	Trần Thị Thanh	Tuyền	25/03/2003	Nữ	3.11	Khá	3546/2025/DHCQ_NLU
5	21129743	Bùi Thị	Luyến	08/12/2003	Nữ	2.95	Khá	3542/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
6	21129769	Hồ Thị	Mỹ	13/09/2003	Nữ	2.90	Khá	3543/2025/DHCQ_NLU
7	21129808	Trần Thị Bích	Ngọc	01/09/2003	Nữ	2.85	Khá	3544/2025/DHCQ_NLU
8	21129965	Huỳnh Thị	Thủy	09/05/2003	Nữ	3.21	Giỏi	3547/2025/DHCQ_NLU
DH21BQC								
1	21125072	Mai Mỹ	Duyên	07/10/2003	Nữ	2.95	Khá	3548/2025/DHCQ_NLU
DH21DD								
1	21125022	Phan Thị Mai	Anh	04/09/2003	Nữ	2.82	Khá	3551/2025/DHCQ_NLU
2	21125081	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giao	24/08/2003	Nữ	2.53	Khá	3556/2025/DHCQ_NLU
3	21125347	Trần Thị Yến	Thanh	15/09/2003	Nữ	2.82	Khá	3566/2025/DHCQ_NLU
4	21125416	Nguyễn Hồng Cẩm	Tiên	08/08/2001	Nữ	3.37	Giỏi	3565/2025/DHCQ_NLU
5	21129532	Trần Lê Hoài	An	01/01/2003	Nữ	3.10	Khá	3549/2025/DHCQ_NLU
6	21129550	Trần Phạm Trâm	Anh	01/10/2003	Nữ	2.89	Khá	3550/2025/DHCQ_NLU
7	21129584	Nguyễn Trần Quân	Đạt	26/01/2003	Nam	2.54	Khá	3554/2025/DHCQ_NLU
8	21129586	Trần Thành	Đạt	26/06/2003	Nam	2.93	Khá	3555/2025/DHCQ_NLU
9	21129600	Đoàn Phương	Duy	14/02/2003	Nam	2.99	Khá	3552/2025/DHCQ_NLU
10	21129604	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/12/2003	Nữ	3.17	Khá	3553/2025/DHCQ_NLU
11	21129618	Đỗ Quang	Trường	20/05/2003	Nam	2.83	Khá	3570/2025/DHCQ_NLU
12	21129656	Lê Thị Thảo	Hiếu	17/01/2003	Nữ	3.13	Khá	3557/2025/DHCQ_NLU
13	21129683	Nguyễn Văn Trương	Huy	06/07/2003	Nam	2.61	Khá	3558/2025/DHCQ_NLU
14	21129689	Nguyễn Văn	Huỳnh	14/01/2003	Nam	2.93	Khá	3559/2025/DHCQ_NLU
15	21129699	Quang Trần Bảo	Khánh	11/12/2003	Nam	3.56	Giỏi	3560/2025/DHCQ_NLU
16	21129726	Phạm Thị Ngọc	Linh	27/03/2003	Nữ	3.49	Giỏi	3561/2025/DHCQ_NLU
17	21129758	Nguyễn Thị Bình	Minh	14/11/2003	Nữ	2.92	Khá	3562/2025/DHCQ_NLU
18	21129797	Dương Hoài	Ngọc	12/12/2003	Nữ	2.64	Khá	3563/2025/DHCQ_NLU
19	21129799	Lê Uyên	Vy	08/12/2003	Nữ	2.91	Khá	3571/2025/DHCQ_NLU
20	21129882	Trịnh Thị Hồng	Quyên	08/03/2003	Nữ	2.54	Khá	3564/2025/DHCQ_NLU
21	21129938	Võ Minh	Thơ	22/07/2003	Nữ	2.73	Khá	3567/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
22	21129970	Phan Thị Như	Thuyền	01/06/2003	Nữ	3.19	Khá	3568/2025/DHCQ_NLU
23	21129989	Nguyễn Thị Quyền	Trần	10/12/2003	Nữ	3.17	Khá	3569/2025/DHCQ_NLU
DH21HD								
1	21139012	Vũ Yến Quỳnh	Anh	23/09/2003	Nữ	3.10	Khá	3572/2025/DHCQ_NLU
2	21139047	Phạm Võ Thu	Hân	25/04/2003	Nữ	3.26	Giỏi	3574/2025/DHCQ_NLU
3	21139069	Huỳnh Kim	Khánh	17/09/2003	Nữ	2.74	Khá	3575/2025/DHCQ_NLU
4	21139080	Ngô Minh	Lĩnh	13/01/2003	Nam	2.67	Khá	3576/2025/DHCQ_NLU
5	21139245	Trần Mạnh	Cường	27/09/2003	Nam	2.66	Khá	3573/2025/DHCQ_NLU
6	21139420	Phạm Văn	Rôn	24/03/2002	Nam	2.74	Khá	3577/2025/DHCQ_NLU
7	21139457	Diệu Nguyễn Nhật	Tiến	13/06/2003	Nam	2.58	Khá	3578/2025/DHCQ_NLU
8	21139481	Phạm Quốc	Trung	07/02/2003	Nam	2.86	Khá	3579/2025/DHCQ_NLU
DH21HS								
1	21139233	Trần Thị Thúy	Anh	14/11/2003	Nữ	3.06	Khá	3580/2025/DHCQ_NLU
DH21HT								
1	21139256	Nguyễn Mai Thị	Diệu	20/08/2003	Nữ	3.31	Giỏi	3581/2025/DHCQ_NLU
2	21139349	Huỳnh Dương Hồng	Ngân	07/10/2003	Nữ	2.80	Khá	3582/2025/DHCQ_NLU
3	21139418	Nguyễn Thảo	Quỳnh	26/11/2003	Nữ	3.23	Giỏi	3583/2025/DHCQ_NLU
4	21139421	Nguyễn Thị Tuyết	Sang	15/01/2003	Nữ	3.06	Khá	3584/2025/DHCQ_NLU
DH21VT								
1	21125287	Cù Khắc Tấn	Phát	17/02/2003	Nam	2.47	Trung bình	3589/2025/DHCQ_NLU
2	21129537	Cao Thị Kim	Anh	06/08/2003	Nữ	2.76	Khá	3585/2025/DHCQ_NLU
3	21129547	Lê Hoàng Thủy	Triều	31/01/2003	Nữ	3.25	Giỏi	3591/2025/DHCQ_NLU
4	21129552	Trương Trần Lan	Anh	13/06/2003	Nữ	3.03	Khá	3586/2025/DHCQ_NLU
5	21129556	Vũ Khánh	Bằng	18/09/2003	Nam	3.12	Khá	3587/2025/DHCQ_NLU
6	21129809	Nguyễn Thị Thúy	Vy	05/09/2003	Nữ	2.66	Khá	3592/2025/DHCQ_NLU
7	21129810	Vương Phú Hồng	Ngọc	12/03/2003	Nữ	3.29	Giỏi	3588/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
8	21129971	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	16/03/2003	Nữ	3.10	Khá	3590/2025/DHCQ_NLU
Thủy sản								
DH18CT								
1	18117070	Võ Thị Bích	Trâm	26/03/2000	Nữ	2.45	Trung bình	3593/2025/DHCQ_NLU
DH19CT								
1	19117085	Hồ Thị Hồng	Thúy	10/02/2001	Nữ	2.62	Khá	3594/2025/DHCQ_NLU
DH19NT								
1	19116124	Lê Thị Thùy	Tiên	29/01/2000	Nữ	2.48	Trung bình	3595/2025/DHCQ_NLU
DH19NY								
1	19116106	Nguyễn Lập	Tân	17/03/2001	Nam	2.37	Trung bình	3596/2025/DHCQ_NLU
2	19116144	Đặng Thị Tố	Uyên	24/06/2001	Nữ	2.36	Trung bình	3597/2025/DHCQ_NLU
DH20KS								
1	20116050	Bạch Thị	Liễu	09/11/2002	Nữ	2.60	Khá	3598/2025/DHCQ_NLU
2	20116260	Nguyễn Trần Nhật	Thiện	28/10/2002	Nam	2.52	Khá	3599/2025/DHCQ_NLU
3	20116294	Trần Ngọc Kiến	Vy	05/09/2002	Nữ	2.32	Trung bình	3600/2025/DHCQ_NLU
DH20NT								
1	20116122	Trần Văn	Thường	01/11/2002	Nam	3.11	Khá	3603/2025/DHCQ_NLU
2	20116195	Bùi Nguyễn	Hào	19/01/2002	Nam	2.30	Trung bình	3601/2025/DHCQ_NLU
3	20116207	Nguyễn Nguyên	Khang	02/02/2001	Nam	2.63	Khá	3602/2025/DHCQ_NLU
DH20NTNT								
1	20116301	Nguyễn Thị Yến	Nhi	12/03/2002	Nữ	2.51	Khá	3604/2025/DHCQ_NLU
2	20152014	Trương Tấn	Phát	02/09/2002	Nam	2.37	Trung bình	3605/2025/DHCQ_NLU
DH20NY								
1	20116257	Huỳnh Thị Thu	Thảo	15/02/2002	Nữ	2.27	Trung bình	3606/2025/DHCQ_NLU

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	ĐTB	Xếp loại	Số vào sổ
DH21CT								
1	21117015	Nguyễn Quốc	Khánh	28/06/2003	Nam	3.03	Khá	3607/2025/DHCQ_NLU
2	21117053	Đoàn Thanh	Vy	16/11/2003	Nữ	3.34	Giỏi	3610/2025/DHCQ_NLU
3	21117110	Huỳnh Thị Kim	Thúy	06/12/2002	Nữ	3.08	Khá	3608/2025/DHCQ_NLU
4	21117123	Trần Thị Thanh	Trúc	18/02/2003	Nữ	2.98	Khá	3609/2025/DHCQ_NLU
DH21NT								
1	21116007	Lưu Thị Giao	Châu	13/08/2003	Nữ	2.59	Khá	3611/2025/DHCQ_NLU
2	21116082	Nguyễn Thị Tuyết	Thu	18/10/2003	Nữ	3.25	Giỏi	3614/2025/DHCQ_NLU
3	21116089	Võ Thị Mỹ	Trần	05/07/2003	Nữ	2.50	Khá	3615/2025/DHCQ_NLU
4	21116230	Trần Văn Vĩnh	Toàn	26/10/2003	Nam	2.72	Khá	3612/2025/DHCQ_NLU
5	21116239	Bá Minh	Trọng	05/01/2003	Nam	2.71	Khá	3616/2025/DHCQ_NLU
6	21116246	Phạm Nguyễn Kim	Tuyền	06/06/2003	Nữ	2.51	Khá	3613/2025/DHCQ_NLU
DH21NY								
1	21116178	Trương Nhật	Nguyên	05/10/2003	Nam	2.38	Trung bình	3617/2025/DHCQ_NLU
2	21116189	Phạm Thị Kiều	Oanh	11/11/2003	Nữ	2.96	Khá	3618/2025/DHCQ_NLU



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn